CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC
Địa chỉ: Khu công nghiệp Khai Quang, TP Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
ĐT: (0211) 3720945, Fax: (0211) 3845944





BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Vĩnh Phúc, tháng 11 năm 2024

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC
Ký ngày: 2/12/2024 18:59:20

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch tiếng việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC

Tên viết tắt : VPID – JSC

Tên giao dịch tiếng Anh: Vinh Phuc Infrastructure Development Joint Stock Company

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (MSDN) số: 2500222004 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 16/6/2003, cấp thay đổi lần **27 ngày 03/04/2024**

Vốn điều lệ: **358.583.850.000** đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **358.583.850.000** đồng

Mã chứng khoán : IDV

Logo :

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Khai Quang – TP Vĩnh Yên – Tỉnh Vĩnh Phúc

Điện thoại : (0211) 3720 945 Fax: (0211) 3845 944

Email : idv@vpid.vn

Website : www.vpid.vn

❖ Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc (VPID) được thành lập theo giấy phép kinh doanh 1903000030 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 16/06/2003 với mức vốn điều lệ 9.999.000.000 đồng *(Chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu đồng)*. Đến nay, VPID đạt mức vốn điều lệ **358.583.850.000** đồng *(Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tám tỷ năm trăm tám mươi ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)*.

VPID là doanh nghiệp tiên phong và là thương hiệu uy tín trong lĩnh vực đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp (KCN) tại địa bàn Tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng và khu vực miền Bắc nói chung. Trong gần 2 thập kỷ hình thành và phát triển, VPID luôn nỗ lực để hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa cho khách hàng, doanh nghiệp thuê đất sản xuất, nắm bắt cơ hội không ngừng mở rộng quy mô, địa bàn và lĩnh vực kinh doanh. Tính đến hiện tại, ngoài KCN Khai Quang - Vĩnh Phúc (221,46ha), VPID đã và đang triển khai 2 KCN và CCN bao gồm: KCN Sông Lô II - Vĩnh Phúc (165,655ha); KCN Châu Sơn - Hà Nam (171,6ha); Cụm công nghiệp Hồng Đức - Hải Dương (75ha).

Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ vận hành của VPID chuyên nghiệp, có bề dày kinh nghiệm về vận hành và quản lý các dự án đầu tư về hạ tầng, trong đó đặc biệt là hạ tầng Khu công nghiệp. VPID không ngừng đổi mới tư duy và hoàn thiện, nhằm xây dựng những khu công nghiệp mang bản sắc riêng, với hạ tầng - dịch vụ đồng bộ chất lượng cao, môi trường khu công nghiệp xanh - sạch - đẹp, đáp ứng các yêu cầu dù là khắt khe nhất của các nhà đầu tư đến từ các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước Châu Âu,...

Một số mốc thời gian và sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển:

Thời gian	Sự kiện
2003	Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 9.999.000.000 đồng.
2009	Công ty đã được UBCK Nhà nước chấp thuận là Công ty đại chúng ngày 01/10/2009.
2010	Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) cấp Giấy chứng nhận đăng

Thời gian	Sự kiện
	ký niêm yết cổ phiếu số 43/GCN-SGDHN ngày 18/5/2010 và bắt đầu phiên giao dịch đầu tiên cổ phiếu IDV trên sàn HNX vào ngày 01/06/2010.
2011	Ngày 3/8/2011: Thành lập Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam cụ thể như sau: + Vốn điều lệ ban đầu: 18,0 tỷ đồng + Vốn điều lệ hiện nay: 45,0 tỷ đồng + Mã số doanh nghiệp: 0700540547 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 3/8/2011, cấp thay đổi lần 1 ngày 20/08/2014. + Địa chỉ: KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam + Điện thoại: 84-(351) 6 252 137 Fax: (0351) 6 252 138 + Nhiệm vụ chính: Chủ đầu tư dự án Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Châu Sơn, tỉnh Hà Nam.
	Ngày 19/10/2011: Thành lập Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nội cụ thể như sau: + Vốn điều lệ: 18,0 tỷ đồng. + Mã số doanh nghiệp: 0105578158 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/10/2011, cấp thay đổi lần 3 ngày 24/4/2014. + Địa chỉ: Tầng 04 khu văn phòng sân tập Golf Phương Đông - phố Tân Mỹ - phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. + Nhiệm vụ chính: Đầu tư tài chính đối với các công ty đang niêm yết trên thị trường chứng khoán.
2017	Ngày 07/12/2017: Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nội đã hoàn thiện thủ tục giải thể và chính thức ngừng hoạt động.
2019	Ngày 04/03/2019, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 183.513.510.000 đồng thông qua các đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông. Ngày 12/09/2019: Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần VPID Vĩnh Phúc cụ thể như sau: + Vốn điều lệ: 20,6 tỷ đồng. + Mã số doanh nghiệp: 2500635202 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 12/09/2019. + Địa chỉ: Khu Công nghiệp Khai Quang – TP Vĩnh Yên – Tỉnh Vĩnh Phúc + Nhiệm vụ chính: Đầu tư xây dựng nhà xưởng và kho cho thuê.
2021	Trong năm 2021, Công ty đã được Thủ tướng chính phủ giao làm chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN Sông Lô II - huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; được UBND tỉnh Hải Dương giao làm chủ đầu tư, thành lập CCN Hồng Đức - huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Năm 2021, tăng vốn điều lệ từ 183.513.510.000 đồng lên thành 210.234.500.000 đồng (tăng 26.720.990.000 đồng) bằng hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho các cổ đông tỷ lệ 15%. Hoàn thành phân phối 537.300 cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu; 810.000 cổ

Thời gian	Sự kiện
	phiếu ESOP 2021 cho CBCNV Công ty. Ngày 29/04/2021: Thành lập Công ty TNHH MTV Xây dựng Sông Lô. + Vốn điều lệ: 18,0 tỷ đồng. + Mã số doanh nghiệp: 2500664764. + Địa chỉ: KCN Khai quang - TP Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc
2022	Năm 2022, Tăng vốn điều lệ từ 210.234.500.000 đồng lên thành 252.279.060.000 (Tăng 42.044.560.000 đồng) bằng hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho các cổ đông, tỷ lệ 20%.
2023	- Năm 2023, Tăng vốn điều lệ từ 252.279.060.000 lên thành 311.814.740.000 đồng. Cụ thể: (Tăng 50.453.700.000 đồng) bằng hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho các cổ đông, tỷ lệ 20%; (tăng 9.081.980.000 đồng) bằng hình thức phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP 2023). - Tổ chức thành công Lễ khởi công Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN Sông Lô II - huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.
2024	Năm 2024, Tăng vốn điều lệ từ 311.814.740.000 đồng lên thành 358.583.850.000 (Tăng 46.769.110.000 đồng) bằng hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho các cổ đông, tỷ lệ 15%.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp (KCN) và các dịch vụ trong KCN (xử lý nước thải,...).

- Địa bàn kinh doanh chính:

+ KCN Khai Quang - Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ KCN Châu Sơn - Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

+ KCN Sông Lô II – Huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Cụm CN Hồng Đức – Huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ **Mô hình quản trị:**

Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc (VPID) được vận hành theo mô hình quản trị (*điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp năm 2020*): Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Có 03 thành viên Hội đồng quản trị độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

❖ **Cơ cấu bộ máy quản lý:**

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các dự án KCN mà Công ty làm chủ đầu tư và các dự án Công ty góp vốn liên doanh, liên kết.

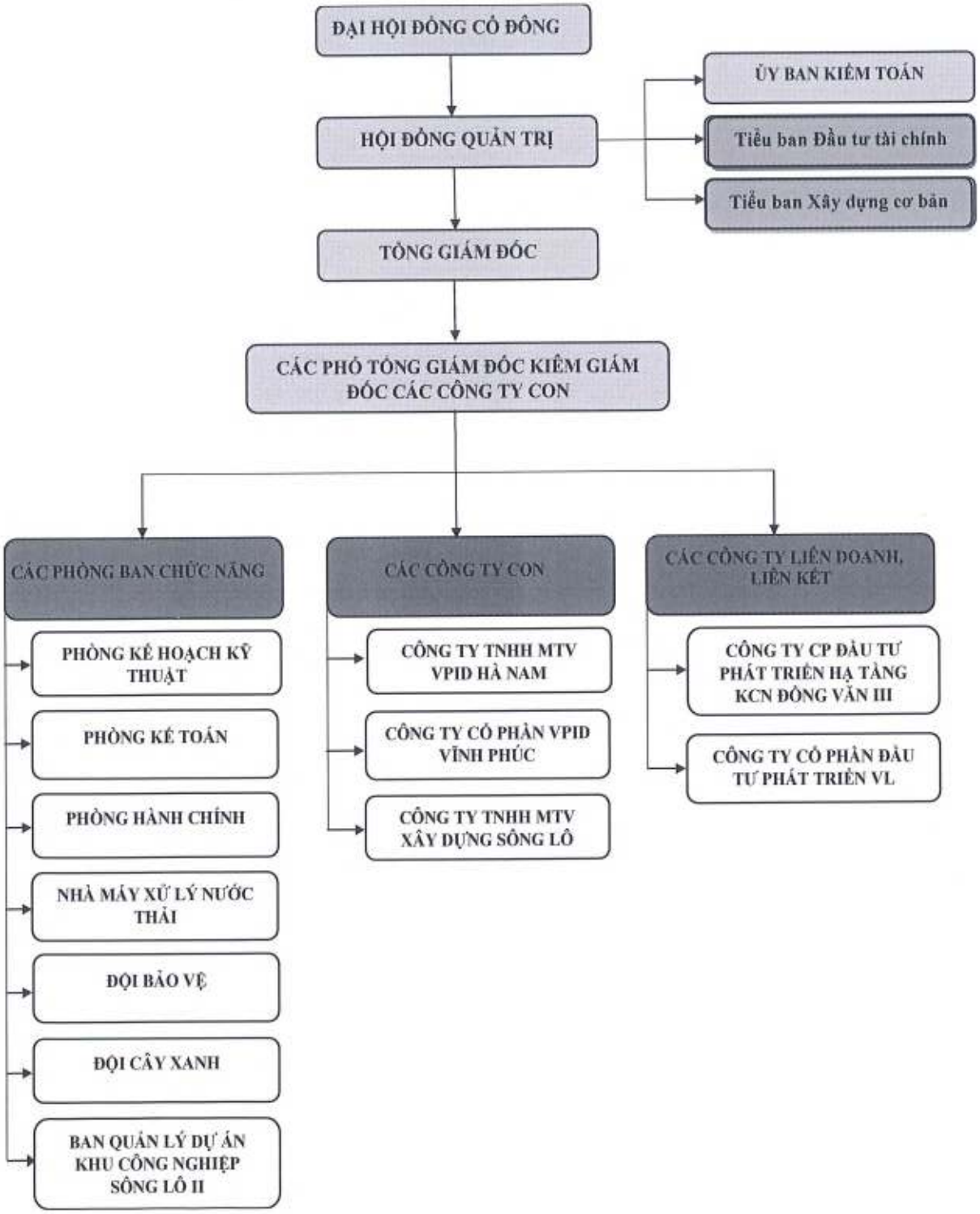
- Đại hội đồng cổ đông: tại thời điểm ngày ĐKCC (05/03/2024) chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023 là 1102 cổ đông.

- Tính đến thời điểm 30/9/2024:

▪ Hội đồng Quản trị: Tính đến 30/09/2024, HĐQT của Công ty gồm 09 thành viên (01 thành viên kiêm nhiệm Tổng giám đốc, 01 thành viên kiêm nhiệm Phó TGĐ, 03 thành viên độc lập HĐQT).

- Ủy Ban Kiểm toán - trực thuộc HĐQT: Gồm 02 thành viên.
- Tiểu ban Đầu tư tài chính - trực thuộc HĐQT: Gồm 04 thành viên.
- Tiểu ban Xây dựng cơ bản - trực thuộc HĐQT: Gồm 02 thành viên.
- Ban Tổng Giám đốc: Gồm 03 thành viên.
- Các phòng ban trực thuộc Công ty.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



❖ **Các công ty con, công ty liên kết:**

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ dự án	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn đăng ký (tỉ VNĐ)	Số tiền VPID đã góp	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	**Các đơn vị trực thuộc (công ty con):**			**83,60**	**61,67**	
1	Công ty TNHH một thành viên VPID Hà Nam	Phủ Lý, Hà Nam	Kinh doanh BĐS (Đầu tư XD và KD hạ tầng khu, cụm CN, xây dựng nhà xưởng cho thuê); Thoát nước và xử lý nước thải; Thu gom xử lý chất thải rắn.	45	45	100
2	Công ty cổ phần VPID Vĩnh Phúc	Khai Quang, Vĩnh Phúc	Đầu tư xây dựng nhà xưởng và kho cho thuê.	20,6	4,3	70
3	Công ty TNHH MTV Xây dựng Sông Lô	Khai Quang, Vĩnh Phúc	Xây dựng, thi công, hoàn thiện các công trình xây dựng hạ tầng Khu, Cụm công nghiệp.	18	12,37	100
II	**Các công ty liên doanh, liên kết:**			**771**	**94,73**	
1	Công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	Hà Nam	Kinh doanh BĐS (Đầu tư XD và KD hạ tầng khu, cụm CN)	303	92,73	20
2	Công ty CP đầu tư phát triển VL	Hà Nam	Kinh doanh BĐS (Đầu tư XD và KD hạ tầng khu, cụm CN)	468	2	20
	Cộng (I + II)			**854,60**	**156,40**	

4. Định hướng phát triển:

❖ **Mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Công ty luôn chú trọng trách nhiệm đối với khách hàng, cổ đông và cao nhất là trách nhiệm với cộng đồng, xã hội, nhằm tiếp tục giữ vững và nâng cao uy tín, thương hiệu IDV.

- Theo dòng chảy của sự tiến bộ khoa học công nghệ và việc đẩy mạnh ứng dụng công tác chuyển đổi số và số hóa dữ liệu nhằm cung cấp dữ liệu hiệu quả cho việc quản lý công việc và ra quyết định.

- Tại các KCN đã và đang lấp đầy do Công ty quản lý, mục tiêu là gia tăng sự hài lòng và tìm kiếm các nhà đầu tư tiềm năng.

+ Tập trung công tác chăm sóc khách hàng ở các dự án KCN đã lấp đầy, duy tu, bảo trì hạ tầng kỹ thuật và cây xanh thảm cỏ, đảm bảo an ninh trật tự và công tác bảo vệ môi trường.

+ Các dự án đang triển khai sẽ được ưu tiên hoàn thành thủ tục GPMB, thuê đất nhà nước, đầu tư hạ tầng kỹ thuật để sớm đưa vào khai thác các sản phẩm đủ điều kiện kinh doanh.

❖ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Tiếp tục đầu tư, phát triển lĩnh vực bất động sản KCN theo hướng bền vững. Trong đó việc tạo ra giá trị tốt nhất cho khách hàng được xem là nhiệm vụ trọng tâm. Do đó, Công ty sẽ không ngừng đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và chất lượng chăm sóc khách hàng nhằm gia tăng sự hài lòng, niềm tin mà khách hàng dành cho Công ty, từ đó xây dựng thương hiệu IDV ngày càng vững chắc.

- Bên cạnh đó, IDV cũng xác định rõ mục tiêu quan trọng khác mà Công ty cần chú trọng thực hiện là việc tiếp tục khai thác hiệu quả các dự án hiện hữu, đồng thời tích cực tìm kiếm các dự án mới để tạo đà tăng trưởng, tăng giá trị Công ty trong thời gian tới.

- Ngoài ra IDV đề cao yếu tố con người thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực kế thừa, khai thác tối ưu tiềm năng của cán bộ công nhân viên, nâng cao năng lực quản trị của Ban điều hành nhằm tối ưu hóa nguồn nhân lực tại Công ty.

❖ **Mục tiêu phát triển bền vững:**

- Nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, IDV luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, phát triển doanh nghiệp gắn liền với sự phát triển của cộng đồng xã hội trong chiến lược phát triển dài hạn.

- Hiện nay, tất cả các KCN do Công ty quản lý đều có NMXLNT tập trung với công nghệ xử lý hiện đại, hoạt động ổn định và đạt tiêu chuẩn xả thải theo luật định.

- Chính sách bảo hiểm, chế độ phúc lợi cho cán bộ công nhân viên Công ty luôn được đảm bảo, người lao động được làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, cạnh tranh và công bằng.

- Ngoài ra, Công ty tích cực tham gia các chương trình từ thiện, xã hội thiết thực và ý nghĩa.

5. Các rủi ro:

Hiện nay Công ty đã đầu tư vào các dự án bất động sản (viết tắt là BĐS): BĐS công nghiệp (hoạt động chính) và BĐS dân dụng (cụ thể: mua bất động sản tại dự án khu đô thị Bắc Cầu Hàn – tỉnh Hải Dương), kinh doanh cổ phiếu, nên các yếu tố rủi ro có thể xảy ra là:

- Lĩnh vực kinh doanh BĐS công nghiệp: Hiệu quả ổn định, mức độ rủi ro phụ thuộc vào chính sách ưu đãi đầu tư vào các KCN của Nhà nước;

- Lĩnh vực kinh doanh BĐS dân dụng: Chưa đánh giá được hiệu quả do mới triển khai, mức độ rủi ro lớn do phụ thuộc vào tình hình thị trường bất động sản và các chính sách liên quan đến quy hoạch sử dụng đất của Nhà nước (Công ty đầu tư số lượng ít);

- Lĩnh vực kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu: Mức độ rủi ro lớn do thị trường còn thiếu minh bạch (Công ty đầu tư số lượng ít).

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2024

Các chỉ tiêu chính về Tổng tài sản, doanh thu, lợi nhuận sau thuế năm 2024, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023 (Tỷ đồng)	Kế hoạch 2024 (Tỷ đồng)	Thực hiện 2024 (Tỷ đồng)	TH/KH2024
1	Tổng tài sản	1.815,89	1.960,00	1.880,04	95,9%
2	Doanh thu (Doanh thu bán hàng +Doanh thu tài chính)	240,53	249,84	166,52	66,6%
3	Lợi nhuận sau thuế	157,69	125,03	134,16	107,3%

2. Tổ chức và nhân sự

- *Danh sách Ban điều hành tính đến 30/9/2024:*

1/ Ông Phạm Trung Kiên – Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

2/ Bà Nguyễn Ngọc Lan – Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

3/ Ông Nguyễn Anh Đệ – Phó Tổng Giám đốc

4/ Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kế toán trưởng

- *Những thay đổi trong Ban điều hành:*

Trong năm, Ban điều hành không có sự thay đổi.

- *Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Kế toán trưởng: Chi tiết tại Phụ lục 1*
- *Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban điều hành:*

Số liệu năm 2024 được lập theo danh sách Người sở hữu chứng khoán do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) lập cho ngày đăng ký cuối cùng 05/03/2024 (Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023), số liệu năm 2023 được lập tại ngày đăng ký cuối cùng 04/12/2023, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của thành viên BĐH, Kế toán trưởng như sau:

TT	Thành viên BĐH	Chức vụ	Năm 2023		Năm 2024		% Thay đổi
			SL CP	Tỷ lệ %	SL CP	Tỷ lệ %	
1	Phạm Trung Kiên	TGĐ	282.780	0,91%	325.196	0,91%	0,00%
2	Nguyễn Ngọc Lan	P.TGĐ	210.234	0,67%	241.769	0,67%	0,00%
3	Nguyễn Anh Đệ	P.TGĐ	155.909	0,50%	179.294	0,50%	0,00%
4	Nguyễn Thị Hoàn	KTT	103.527	0,33%	119.054	0,33%	0,00%
	Tổng		**752.450**	**2,41%**	**865.313**	**2,41%**	

- *Số lượng cán bộ, nhân viên toàn công ty (công ty mẹ, công ty con):*

Trình độ	Số lượng (người)			Cộng	Tỷ lệ (%)
	VPID Khai Quang	VPID Hà Nam	Xây dựng Sông Lô		
Trên Đại Học	1	1	0	**2**	1,61%
Đại Học, Cao đẳng	43	10	3	**56**	45,16%
Trung Cấp	2	1	0	**3**	2,42%
Công Nhân Kỹ Thuật & lao động khác	52	11	0	**63**	50,81%
TỔNG CỘNG	**98**	**23**	**3**	**124**	100,00%
Thu nhập bình quân 2024	~ 14,99 triệu đồng/người/tháng				

- *Chính sách đối với người lao động:*

- Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ chính sách cho người lao động theo Hợp đồng lao động và các quy định của Nhà nước.

- Cải thiện môi trường và điều kiện làm việc, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa tinh thần, xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp của công ty, tạo động lực tốt cho người lao động làm việc tích cực, ổn định, gắn bó vì sự phát triển của công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

- Năm 2024, VPID tập trung đầu tư tại các KCN, Cụm CN: KCN Khai Quang, Châu Sơn và KCN Sông Lô II, CCN Hồng Đức đồng thời tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư các dự án mới phù hợp với chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty...

+ Tại KCN Khai Quang: Tập trung công tác duy trì hoạt động KCN, tiếp tục cho thuê các diện tích đất công nghiệp còn lại và thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng tạo nguồn đất sạch cho thuê; Tăng cường kiểm soát chất lượng nước thải các doanh nghiệp, đầu tư thiết bị tại nhà máy XLNT theo quy định của pháp luật.

+ KCN Châu Sơn: Tiếp tục xây dựng hạ tầng và đẩy mạnh công tác cho thuê đất, thuê xưởng.

+ KCN Sông Lô II: Thực hiện thủ tục bồi thường giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng cơ bản, cho thuê đất.

+ Cụm CN Hồng Đức: Tiến hành các thủ tục pháp lý đầu tư xây dựng.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

a/ Công ty con:

❖ Công ty TNHH một thành viên VPID Hà Nam:

- Thu hút đầu tư: Đã cho thuê hết toàn bộ diện tích đất có sẵn mặt bằng và hạ tầng, tỷ lệ lấp đầy Khu công nghiệp Châu Sơn đạt 94%.
- Hoàn thành nghiệm thu xây dựng, nghiệm thu phòng cháy nhà xưởng số 4,5.
- Kết quả kinh doanh thực hiện trong năm vượt kế hoạch năm.

❖ Công ty cổ phần VPID Vĩnh Phúc:

- Ngày 12/3/2024, Công ty ban hành thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng - kho cho thuê nộp Ban Quản lý các KCN Vĩnh Phúc.

- Ngày 10/5/2024, Ban QL các KCN Vĩnh Phúc đã phát hành Thông báo số: 16/TB-BQLKCN chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, tên Dự án: Đầu tư xây dựng nhà xưởng vừa và nhỏ.

- Hoàn thiện hồ sơ thay đổi Ngành nghề kinh doanh, Giám đốc Công ty, HĐQT Công ty cổ phần VPID Vĩnh Phúc.

❖ Công ty TNHH MTV Xây Dựng Sông Lô:

- Năm 2024, Công ty phối hợp cùng với Công ty mẹ các Công ty thành viên lên kế hoạch và triển khai thi công các hạng mục công trình, hạ tầng tại KCN Sông Lô II, tỉnh Vĩnh Phúc.

b/ Các công ty liên kết:

❖ Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam:

- VPID hiện đang nắm giữ 20% cổ phần có quyền biểu quyết. Số tiền Công ty đã đầu tư vào dự án là 92,73 tỷ đồng.

❖ Công ty cổ phần đầu tư phát triển VL:

- Tình hình hoạt động: Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chưa có doanh thu.

4. Tình hình tài chính của Công ty:

4.1. Tình hình tài chính:

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	TH2024/2023
1	Tổng giá trị tài sản	1.815.890	1.880.038	103,53%
2	Vốn chủ sở hữu	794.452	874.648	110,09%
3	Doanh thu thuần	184.345	130.940	71,03%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	181.467	134.795	74,28%
5	Lợi nhuận khác	-909	18.801	2.068,05%
6	Lợi nhuận trước thuế	180.558	153.596	85,07%
7	Lợi nhuận sau thuế	157.695	134.159	85,08%
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.708	3.463	73,56%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 của VPID

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	TH2024/ TH2023
1	***Chỉ tiêu về khả năng thanh toán***			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/ Nợ ngắn hạn)	2,51	3,00	119,34%
	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn)	2,42	3,00	123,82%
2	***Chỉ tiêu về cơ cấu vốn***			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,56	0,53	95,07%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,29	1,15	89,40%
3	***Chỉ tiêu về năng lực hoạt động***			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)	5,07	346,15	6821,57%
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,10	0,07	68,61%
4	***Chỉ tiêu về khả năng sinh lời***			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,86	1,02	119,77%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,20	0,15	77,27%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,09	0,07	82,17%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,98	1,03	104,58%

4.3. Các chỉ tiêu cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	TH2024/ TH2023
Cơ cấu tài sản:			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	0,2618	0,2580	98,56%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	0,7382	0,7420	100,51%
Tỷ số nợ / Tổng tài sản	0,56	0,53	95,07%
Cơ cấu nguồn vốn:			
Tỷ số nợ / Vốn chủ sở hữu	1,29	1,15	89,40%
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	0,56	0,53	95,07%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	0,44	0,47	106,34%
Tỷ suất lợi nhuận:			
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	0,09	0,07	82,17%
Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	0,20	0,15	77,27%

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	TH2024/ TH2023
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,86	1,02	119,77%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Tính đến ngày 30/09/2024, vốn điều lệ của Công ty như sau:

- Vốn điều lệ:	358.583.850.000	VNĐ
- Khối lượng cổ phiếu đã niêm yết:	35.858.385	Cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ:	0	Cổ phiếu
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành:	35.858.385	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:	908.198	Cổ phiếu -Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty ESOP 2023. - Số cổ phiếu này đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng vào Ngày 26/08/2024. Đã được VSDC gỡ bỏ hạn chế chuyển nhượng Ngày 27/11/2024.

- Số liệu năm 2023 được lập theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSDC lập tại ngày đăng ký cuối cùng 04/12/2023. Số liệu năm 2024 được lập Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSDC lập cho ngày đăng ký cuối cùng 05/03/2024 thì cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

TT	Diễn giải	Năm 2023		Năm 2024	
		Số cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ CP	Số cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ CP
1	**Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ:**	**1036**	**100%**	**1102**	**100%**
	Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số CPPT	4	43,16%	3	43,17%
	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% tổng số CPPT	11	25,89%	12	25,87%
	Cổ đông sở hữu dưới 1% CP	1021	30,95%	1087	30,96%
2	**Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:**	**1036**	**100%**	**1102**	**100%**
	Tổ chức (trong nước, nước ngoài)	16	18,36%	17	18,11%
	Cá nhân (trong nước, nước ngoài)	1020	81,64%	1085	81,89%
3	**Cổ đông trong nước và nước ngoài:**	**1036**	**100%**	**1102**	**100%**

TT	Diễn giải	Năm 2023		Năm 2024	
		Số cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ CP	Số cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ CP
	Cổ đông trong nước (tổ chức, cá nhân)	997	80,94%	1067	81,31%
	Cổ đông nước ngoài (tổ chức, cá nhân)	39	19,06%	35	18,69%
4	**Cổ đông nhà nước và các cổ đông khác:**	**1036**	**100%**	**1102**	**100%**
	Cổ đông nhà nước	0	0,00%	0	0,00%
	Cổ đông khác (Không phải CĐ nhà nước)	1036	100%	1102	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

TT	Thời gian	Giá trị vốn tăng thêm *(triệu đồng)*	Vốn ĐL sau phát hành *(triệu đồng)*	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
1.	06/2003	9.999	9.999	Thành lập	Sở KHĐT tỉnh Vĩnh phúc	Không
2.	01/2007	5.001	15.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư khác	Sở KHĐT tỉnh Vĩnh phúc	Không
3.	07/2007	12.000	27.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư khác	Sở KHĐT tỉnh Vĩnh phúc	Không
4.	08/2008	7.800	34.800	Thưởng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, tỷ lệ phân bổ quyền: 1.000:288 (cổ đông sở hữu 1.000 cổ phiếu sẽ được nhận 288 cổ phiếu mới)	Sở KHĐT tỉnh Vĩnh phúc	Không
5.	12/2008	485	35.285	Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ phân bổ quyền 10.000:139 (cổ đông sở hữu 10.000 cổ phiếu sẽ nhận được thêm 139 cổ phiếu mới)	Sở KHĐT tỉnh Vĩnh phúc	Không
6.	01/2013	3.969,66	40.313,16	Tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012	UBCKNN	Không
7.	07/2013	4.030,36	44.343,52	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2013	UBCKNN	Không
8.	02/2014	6.651,41	50.994,93	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN	Không

TT	Thời gian	Giá trị vốn tăng thêm *(triệu đồng)*	Vốn ĐL sau phát hành *(triệu đồng)*	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
9.	10/2014	509,94	51.504,87	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty	UBCKNN	Không
10.	06/2015	25.752,43	77.257,3	Tạm ứng cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu	UBCKNN	Không
11.	06/2016	38.394,95	115.652,25	Phát hành cổ phiếu trả tạm ứng cổ tức năm 2016 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	UBCKNN	Không
12.	04/2017	46.073,24	161.725,49	tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu	UBCKNN	Không
13.	03/2019	21.788,02	183.513,51	Phát hành cổ phiếu trả tạm ứng cổ tức năm 2018	UBCKNN	Không
14.	09/2021	26.720,99	210.234,5	Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu	UBCKNN	Không
15.	03/2022	42.044,56	252.279,06	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021	UBCKNN	Không
16.	02/2023	50.453,70	302.732,76	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2022	UBCKNN	Không
17.	07/2023	9.981,98	311.814,74	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP 2023)	UBCKNN	Không
18.	03/2024	46.769,11	358.583,85	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023	UBCKNN	Không

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

5.5 Các chứng khoán khác: *Không có*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

- Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Hoạt động phát thải khí nhà kính trực tiếp chủ yếu từ các hoạt động đốt nhiên liệu hóa thạch của máy móc thi công xây dựng và hoạt động xử lý nước thải và chất thải rắn - so sánh với quy mô của công ty thì hoạt động phát thải khí nhà kính trực tiếp ở mức thấp. Hoạt động phát thải khí nhà kính gián tiếp chủ yếu đến từ hoạt động của các công ty trong khu công nghiệp, công ty không thể đánh giá được mức độ ảnh hưởng do hoạt động đặc thù và quy mô của các công ty trong khu công nghiệp là khác nhau.

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Hệ thống quan trắc tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định; Phát triển và áp dụng công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn đặc thù nhằm hạn chế phát thải KNK.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng của tổ chức trong năm: Chưa thống kê

- Báo cáo tỷ lệ nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Công ty sử dụng vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi, ...) và hóa chất xử lý nước thải để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của công ty nên không tái chế được.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Tại KCN Khai Quang và KCN Châu Sơn nhà đầu tư mua điện từ EVN, công ty không quản lý trực tiếp.

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có đánh giá cụ thể.

- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

+ Đối với trách nhiệm là chủ đầu tư, Công ty đã chú trọng xây dựng theo hướng thân thiện và bền vững, sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm năng lượng như: bóng đèn led tiết kiệm điện, hệ thống bình nước nóng năng lượng mặt trời. Đối với khối văn phòng: Hạn chế sử dụng điện và các thiết bị điện trong giờ cao điểm, sử dụng thiết bị ít tiêu tốn năng lượng, tắt các thiết bị khi không sử dụng.

+ Đối với việc tiết kiệm năng lượng tiêu hao của các nhà đầu tư trong KCN thì tùy thuộc vào đặc điểm quy trình sản xuất và kế hoạch sử dụng năng lượng của từng nhà đầu tư, công ty không kiểm soát được.

6.4. Tiêu thụ nước:

- Các KCN của Công ty đều sử dụng nước sạch do công ty nước cung cấp. Toàn bộ nguồn nước đã qua sử dụng được thải vào hệ thống nước thải tập trung của KCN. KCN không sử dụng nước tái chế và tái sử dụng.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Các KCN của Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định về bảo vệ môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Tổng số người lao động trong Công ty là 124 người, mức lương trung bình là 14,99 triệu đồng/người/tháng. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm cho cán bộ nhân viên (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp khó khăn,...), chăm lo sức khỏe cho người lao động (trang bị đầy đủ bảo hộ lao động,...). Các chế độ khen thưởng luôn kịp thời tùy thuộc vào tình hình tài chính công ty. Thưởng các ngày lễ lớn như: Tết Nguyên đán, Tết Dương lịch, thưởng 2/9, 1/5. Ngoài ra hàng năm đều tổ chức các đợt du lịch cho người lao động.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty tích cực tham giao các hoạt động ủng hộ, hỗ trợ, từ thiện tại các địa phương Công ty đang hoạt động

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh: Công ty đã thực hiện vay vốn Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam để đầu tư xây dựng Module xử lý nước thải của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Khai Quang; số tiền vay vốn Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam lũy kế hiện tại là 29,7 tỷ đồng, lãi suất áp dụng ở mức 2,6%/năm.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:

1.1. Kết quả thực hiện so với kế hoạch ĐHĐCĐ năm 2024:

a/ Ưu điểm:

- Về công tác quản lý điều hành Công ty: Năm 2024, Ban Tổng Giám đốc đã bám sát chủ trương định hướng của HĐQT và mục tiêu kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã phê duyệt; Chủ động, linh hoạt trong điều hành hoạt động của Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh, phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Về công tác phối hợp với các bộ phận trong công ty: Hội Đồng Quản Trị, Ủy Ban Kiểm Toán và Ban Tổng Giám Đốc hoạt động thường xuyên và gắn kết hơn: Điều chỉnh kịp thời những vướng mắc trong công tác tổ chức, quản lý, điều hành; Chỉ đạo sát sao, kịp thời hoạt động kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc duy trì giao ban một lần/tháng để đánh giá công việc đã thực hiện trong tháng, kế hoạch thực hiện tháng tiếp theo nhằm thực hiện tốt nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.

- Tại KCN Khai Quang: Đã hoàn thành công tác đền bù GPMB diện tích đất Lô CN17, CN14.1, CN14.2 để làm thủ tục xin giao đất; Thực hiện tốt công tác giám sát chất lượng nước thải của các doanh nghiệp trước khi xả thải vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Khai Quang từ đó nâng cao hiệu quả vận hành của Nhà máy XLNT đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đúng quy định của pháp luật (giảm chi phí vận hành: Điện năng, hóa chất...), không có sự cố ô nhiễm nào xảy ra.

- Tại KCN Châu Sơn: Đã cho thuê hết toàn bộ diện tích đất có sẵn mặt bằng và hệ thống hạ tầng (32.302 m^2); Kết quả kinh doanh thực hiện trong năm vượt kế hoạch năm đặt ra.

- KCN Sông Lô II: Tích cực phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác đền bù GPMB; Tổ chức thi công hạ tầng KCN.

- Cụm CN Hồng Đức: Tiếp tục triển khai các thủ tục về pháp lý.

b/ Nhược điểm:

- Triển khai chậm một số chỉ tiêu theo kế hoạch của năm: Hoàn thành hồ sơ xác nhận công tác đền bù, GPMB, hồ sơ pháp lý phục vụ giao đất diện tích của Lô CN14.1, CN14.2 và CN17 tại KCN Khai Quang; Tiến độ triển khai thi công tại KCN Sông Lô II còn chậm (do thiếu nguồn vật liệu san lấp, thời tiết mưa nhiều).

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được.

- Công tác quản trị, điều hành công ty đã được cải tiến, tạo được thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản:

Tổng hợp tài sản, nguồn vốn từ đầu năm đến cuối kỳ kế toán (01/10/2023 đến 30/09/2024)

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tại 30/09/2023	Tại 30/09/2024	TH2024/2023
A	**TÀI SẢN**			
I	**Tài sản ngắn hạn**	**475.315**	**485.006**	**102,04%**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	16.023	57.387	358,15%
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	413.668	260.993	63,09%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	27.583	158.563	574,85%
4	Hàng tồn kho	17.323	129	0,74%
5	Tài sản ngắn hạn khác	718	7.933	1105,46%
II	**Tài sản dài hạn**	**1.340.575**	**1.395.032**	**104,06%**
1	Các khoản phải thu dài hạn	666.957	596.903	89,50%

TT	Chỉ tiêu	Tại 30/09/2023	Tại 30/09/2024	TH2024/2023
A	**TÀI SẢN**			
2	Tài sản cố định	117.245	110.134	93,93%
3	Bất động sản đầu tư	24.980	23.696	94,86%
4	Tài sản dở dang dài hạn	53.252	185.328	348,02%
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	315.406	313.685	99,45%
6	Tài sản dài hạn khác	162.735	165.287	101,57%
	Tổng tài sản (I + II)	**1.815.890**	**1.880.038**	**103,53%**
B	**NGUỒN VỐN**			
I	**Nợ ngắn hạn**	**189.047**	**161.643**	**85,50%**
	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	35.361	37.043	104,76%
II	**Nợ dài hạn**	**832.391**	**843.747**	**101,36%**
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	772.419	780.115	101,00%
2	Phải trả dài hạn khác	299	3.519	1175,10%
3	Vay và nợ dài hạn	59.673	60.113	100,74%
III	**Vốn chủ sở hữu**	**794.452**	**874.648**	**110,09%**
	Tổng nguồn vốn (I+II+III)	**1.815.890**	**1.880.038**	**103,53%**

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024 VPID

2.2 Tình hình nợ phải trả

- Phải trả người bán: 2,8 tỷ đồng
- Phải trả Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam: 29,7 tỷ đồng

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Ban Tổng Giám đốc duy trì họp giao ban toàn thể công ty (công ty mẹ với các công ty con) một lần/tháng, để tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện trong tháng và đưa ra các biện pháp khắc phục tồn tại (nếu có) và lập kế hoạch thực hiện cho tháng tiếp theo. Ngoài ra, hàng tuần công ty mẹ và công ty con đều họp giao ban tuần và gửi báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tuần kế trước và kế hoạch thực hiện tuần tiếp theo cho HĐQT nắm được tình hình hoạt động của toàn thể công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Định hướng năm 2025:

❖ **KCN Khai Quang:**

- Hoàn thành thẩm duyệt hồ sơ thiết kế BVTC, thi công, nghiệm thu hệ thống PCCC toàn KCN, bàn giao đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về PCCC.
- Công tác đền bù GPMB: Hoàn thành cấp sổ đỏ diện tích đất Lô CN14.1+14.2, Lô CN17.
- Điều chỉnh Giấy phép bảo vệ môi trường KCN Khai Quang.
- Tham gia hợp tác với các đối tác nghiên cứu đầu tư các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại tỉnh Quảng Ninh và Hải Phòng... kết hợp kinh doanh logistics, cho thuê kho xưởng, khu đô thị ...khi có cơ hội đầu tư.
- Tiếp tục tham gia đầu tư dài hạn vào Dự án bất động sản khu đô thị Bắc Cầu Hàn giai đoạn I của liên danh Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18 khi dự án hoàn thiện các thủ tục pháp lý.

❖ **KCN Châu Sơn:**

- Hoàn thành cấp giấy phép môi trường KCN Châu Sơn.
- Thẩm duyệt thiết kế hệ thống PCCC KCN mở rộng.
- Thi công các Hạng mục tại VT1, VT2.

- Thi công hoàn thiện Hạng mục: Nhà xưởng 02, 03 và một phần nhà xưởng 01.
- Tập trung thu hút đầu tư.

❖ **KCN Sông Lô II, Cụm CN Hồng Đức:**

- KCN Sông Lô II:

+ Hoàn thành BTGPMB phần diện tích còn lại; Ký hợp đồng thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất đã được bàn giao.

+ Thi công hạ tầng KCN;

+ Tập trung thu hút đầu tư, ký Hợp đồng cho các nhà đầu tư thứ cấp thuê đất.

- Cụm CN Hồng Đức: Tập trung triển khai các thủ tục pháp lý bao gồm hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công, đền bù GPMB,...

❖ **Dự án KCN tại tỉnh Hà Nam:**

- Phối hợp với đối tác triển khai các thủ tục pháp lý để hoàn thiện hồ sơ làm chủ đầu tư KCN và thực hiện các bước tiếp theo.

❖ **Công tác thu hút đầu tư:**

- Tập trung thu hút đầu tư, ưu tiên các nhà đầu tư Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan theo chiến lược của tỉnh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, ưu tiên các doanh nghiệp công nghiệp phụ trợ (điện, điện tử, cơ khí chính xác,...).

- Theo dõi diễn biến thị trường chung để đề ra chiến lược canh tranh (giá và các dịch vụ).

4.2. Kế hoạch tài chính năm 2025:

4.2.1. Kế hoạch các chỉ tiêu chính, hoạt động kinh doanh năm 2025 hợp nhất:

- Công ty đang xây dựng kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2025, trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua. Dự kiến các chỉ tiêu chính của hoạt động kinh doanh năm 2025 hợp nhất:

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị	Năm 2024	Kế hoạch 2025	Tỷ lệ KH2025/ TH2024
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1.880,04	1.960,00	104,25%
2	Doanh thu (Doanh thu bán hàng + Doanh thu tài chính)	Tỷ đồng	166,52	278,50	167,25%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	134,16	154,55	115,20%

4.2.2. Kế hoạch phân bổ các quỹ đối với lợi nhuận sau thuế 2025:

- Dựa trên số liệu BCTC hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán, Công ty dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua tỷ lệ phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 các Quỹ:

STT	Diễn giải phân bổ	Tỷ lệ phân bổ %
1	Quỹ đầu tư phát triển	8%
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2%
3	Quỹ khen thưởng HĐQT và BĐH	5%
4	Quỹ chi trả cổ tức	85%

4.2.3. Kế hoạch chi trả cổ tức 2025:

- Dự kiến mức chi Trả cổ tức cho các cổ đông trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua là 30% (Bằng tiền: 15% và cổ phiếu: 15%).

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

- Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a/ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty ngày càng cải thiện các hoạt động đầu tư, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...) hợp lý phù hợp với tiêu chuẩn cho phép trong lĩnh vực đầu tư và phát triển KCN.

b/ Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Người lao động làm việc tại Công ty được đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội, được trang bị thiết bị làm việc đầy đủ.

c/ Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty thường xuyên tham gia các hoạt động quyên góp, ủng hộ các quỹ cũng như các chương trình từ thiện. Cụ thể trong năm, Công ty đã hỗ trợ, ủng hộ các chương trình của xã Yên Thạch, xã Đồng Thịnh và huyện Sông Lô: Xây dựng nhà Đại đoàn kết, xây dựng nông thôn mới nâng cao, hỗ trợ các cháu thiếu niên nhi đồng có hoàn cảnh khó khăn; Hỗ trợ các chương trình văn hóa, văn nghệ của xã, thôn; Ủng hộ xây dựng chùa Hoa Lý - xã Yên Thạch.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

- Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quan trọng đưa ra định hướng, chỉ đạo và giám sát chặt chẽ những hoạt động của Ban Lãnh đạo cũng như các bộ phận hỗ trợ để đảm bảo sự điều hành phù hợp với các quy định và chính sách của Công ty. Hội đồng quản trị đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của mình, tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và nỗ lực lãnh đạo Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với trách nhiệm cao cả đến lợi ích của cổ đông và người lao động, Hội đồng quản trị luôn cố gắng hoàn thành cao nhất kế hoạch về lợi nhuận đã được giao. Ban Tổng Giám đốc được ủy quyền để điều hành hoạt động Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc phải thường xuyên báo cáo và trao đổi với Hội đồng quản trị để đảm bảo sự phối hợp và điều chỉnh kịp thời để đạt được các mục tiêu với hiệu quả cao nhất. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải luôn phối hợp chặt chẽ với nhau và thực hiện mối quan hệ quản trị - điều hành theo đúng Điều lệ và các Quy chế nội bộ. Những hành động này đảm bảo sự ổn định và bền vững của Công ty trong dài hạn và đồng thời đem lại lợi ích lớn nhất cho cổ đông và người lao động.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

- Hội đồng quản trị xem xét cẩn trọng, đưa ra các khuyến nghị, chỉ đạo để Ban Tổng Giám đốc điều hành công ty một cách tốt nhất. Giám sát việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao.

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện các giải pháp kinh doanh phù hợp với chủ trương của Hội đồng quản trị và các quyết định, nghị quyết được ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Định kỳ tháng/quý Ban Tổng Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho Hội đồng quản trị để kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Công tác triển khai kinh doanh dự án: Công ty đã đề ra kế hoạch dài hạn để tập trung chăm sóc tốt các khách hàng tại các KCN đã lấp đầy. Đồng thời, triển khai việc tìm kiếm và phát triển dự án mới cũng được xác định là mục tiêu trọng tâm trong những năm tiếp theo. Sự khởi sắc của dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam cũng là cơ hội để Công ty thu hút đầu tư và phát triển kinh doanh.

- Công tác nhân sự: Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty đã xác định ưu tiên hàng đầu cho công tác nhân sự. Điều này bao gồm việc đảm bảo nguồn nhân lực đủ số lượng và chất lượng cao để đáp ứng hoạt động linh hoạt và phát triển của Công ty. Đồng thời, công tác đào tạo và phát triển kỹ năng cho nhân viên cũng được chú trọng để nâng cao chất lượng và hiệu suất làm việc.

- Công tác quản trị doanh nghiệp: Công ty luôn hướng tới việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị công ty, tuân thủ và đáp ứng các quy định theo Luật chứng khoán. Đặc biệt, công khai minh bạch thông tin là một trong những yếu tố quan trọng để tạo sự tin tưởng và sự ủng hộ của khách hàng, đối tác và cổ đông.

- Công tác chuyển đổi số và số hóa dữ liệu: Công ty tập trung vào việc áp dụng công nghệ, chuyển đổi số, áp dụng phần mềm quản lý doanh nghiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý để nâng cao hiệu quả và tối ưu hoá quy trình.

- Công tác bảo vệ môi trường: Phát triển bền vững gắn liền với bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề được Công ty đặc biệt quan tâm.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- Tính đến 30/9/2024, Hội đồng quản trị hiện nay của Công ty gồm 09 người có nhiệm kỳ 5 năm từ 2024 – 2028, gồm các thành viên sau:

1. Ông Hoàng Đình Thắng – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Trịnh Việt Dũng – Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Lê Tùng Sơn – Thành viên HĐQT
4. Ông Phùng Văn Quý – Thành viên HĐQT
5. Ông Phạm Trung Kiên – Thành viên HĐQT kiêm TGĐ
6. Bà Nguyễn Ngọc Lan – Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ.
7. Ông Phạm Hữu Ánh – Thành viên độc lập HĐQT
8. Bà Nguyễn Thuỳ Linh – Thành viên độc lập HĐQT
9. Ông Tôn Tích Quang Nam – Thành viên độc lập HĐQT

- *Cơ cấu của Hội đồng quản trị:*

- Trong 09 TV HĐQT có 07/09 thành viên HĐQT không tham gia Ban điều hành, tham gia các Ban, Tiểu Ban trực thuộc HĐQT, 03/09 là thành viên độc lập HĐQT, 02/09 thành viên HĐQT tham gia Ban điều hành.

Trong 09 TV HĐQT có 03/09 thành viên HĐQT là cổ đông sáng lập

- *Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT: xem Phụ lục 1*

- *Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của thành viên HĐQT:*

Số liệu năm 2024 được lập theo danh sách Người sở hữu chứng khoán do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập cho ngày đăng ký cuối cùng 05/03/2024 (Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023), số liệu năm 2023 được lập tại ngày đăng ký cuối cùng 04/12/2023 tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của thành viên HĐQT như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Năm 2023		Năm 2024		% Thay đổi
			SL CP	Tỷ lệ, %	SL CP	Tỷ lệ, %	
1	Hoàng Đình Thắng	CT HĐQT	3.942.447	12,64%	4.593.814	12,64%	0,00%
2	Trịnh Việt Dũng	Phó CT HĐQT	2.480.996	7,96%	2.853.144	7,96%	0,00%
3	Lê Tùng Sơn	TV HĐQT	1.051.861	3,37%	1.209.633	3,37%	0,00%
4	Phùng Văn Quý	TV HĐQT	951.411	3,05%	1.094.121	3,05%	0,00%
5	Phạm Trung Kiên	TV HĐQT kiêm TGĐ	282.780	0,91%	325.196	0,91%	0,00%
6	Nguyễn Ngọc Lan	TV HĐQT kiêm Phó TGĐ	210.234	0,67%	241.769	0,67%	0,00%
7	Phạm Hữu Ánh	TV HĐQT độc lập	147.135	0,47%	169.204	0,47%	0,00%
8	Nguyễn Thùy Linh	TV HĐQT độc lập	51.906	0,17%	59.691	0,17%	0,00%
9	Tôn Tích Quang Nam	TV HĐQT độc lập	0	0,00%	0	0,00%	0,00%
	Tổng		**9.118.770**	**29,24%**	**10.546.572**	**29,24%**	**0,00%**

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tính đến thời điểm 30/9/2024, HĐQT hiện có 3 tiểu ban trực thuộc là Ủy Ban kiểm toán, Tiểu Ban đầu tư tài chính và Tiểu Ban xây dựng cơ bản, cơ cấu thành viên như sau:

TT	Tên tiểu ban	Trưởng tiểu ban	Thành viên
1	Ủy Ban kiểm toán	Ông Phạm Hữu Ánh	Bà Nguyễn Thùy Linh
2	Tiểu Ban đầu tư tài chính	Ông Phạm Hữu Ái	Ông Phạm Trung Kiên Bà Nguyễn Ngọc Lan Ông Nguyễn Huy Tùng
3	Tiểu Ban xây dựng cơ bản	Lê Tùng Sơn	Nguyễn Mạnh Hà

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị (HĐQT) trong năm 2024 đã tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- HĐQT đã duy trì tổ chức họp thường kỳ hàng quý và các cuộc họp bất thường.

- HĐQT đã tham gia các buổi họp giao ban của Ban Tổng giám đốc (Ban TGĐ) hàng tháng để nắm bắt tình hình công việc đã thực hiện tháng trước và định hướng các công việc cho Ban TGĐ thực hiện tháng tiếp theo.

- HĐQT cũng giám sát các công việc triển khai của Ban TGĐ hàng tuần thông qua các báo cáo nhanh hàng tuần gửi cho các TV HĐQT để có ý kiến đóng góp cho kế hoạch thực hiện (nếu thấy cần thiết).

- Ngoài ra, HĐQT cũng sát sao chỉ đạo, kiểm tra giám sát Ban điều hành tuân thủ các quy định của pháp luật, tổ chức công bố thông tin thường kỳ và bất thường theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán, đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

- Chỉ đạo nghiên cứu và làm việc với một số tỉnh để thành lập dự án đầu tư mới.

- Trong năm 2024, HĐQT đã tiến hành họp 09 phiên và phê duyệt các nội dung cụ thể:

Nghị quyết/Quyết định	Ngày tháng	Nội dung chính thông qua
1110.1/2023/NQ-HĐQT/IDV	11/10/2023	Thành lập Tiểu ban Xây dựng cơ bản
1110.2/2023/NQ-HĐQT/IDV	11/10/2023	Thi công san nền và thi công Đường công vụ cùng các hạng mục phụ trợ tại Dự án KCN Sông Lô II
1110.3/2023/NQ-HĐQT/IDV	11/10/2023	Phê duyệt lại giá trần gói thầu XL02 và thương thảo hợp đồng với L18
1110.4/2023/NQ-HĐQT/IDV	11/10/2023	Xử lý sự cố thi công cống hộp tại KCN Sông Lô II
1110.5/2023/NQ-HĐQT/IDV	11/10/2023	Ủy quyền cho Tiểu ban XDCB quyết định một số nội dung liên quan đến xây dựng tại các Tờ trình của Ban điều hành
1110.6/2023/NQ-HĐQT/IDV	11/10/2023	Phê duyệt phương án triển khai thi công kênh thoát nước B5000
1110.7/2023/NQ-HĐQT/IDV	11/10/2023	Triển khai thử nghiệm phần mềm quản lý công việc tại Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
1110.8/2023/NQ-HĐQT/IDV	11/10/2023	Báo cáo sơ bộ Kết quả SXKD năm tài chính 2023 và Kế hoạch năm tài chính 2024
1110.9/2023/NQ-HĐQT/IDV	11/10/2023	Chủ trương giải thể Công ty cổ phần VPID Vĩnh Phúc
1110.10/2023/NQ-HĐQT/IDV	11/10/2023	Chủ trương đối với khoản tiền đã cho L18 vay
1110.11/2023/NQ-HĐQT/IDV	11/10/2023	Dừng thực hiện dự án nhà xưởng cho thuê tại lô CN17 tại KCN Khai Quang
0311.1.2023/NQ-HĐQT/IDV	03/11/2023	Phê duyệt các mốc thời gian thực hiện CBTT liên quan đến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, tổng kinh phí tổ chức và danh mục tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
1311.1.2023/NQ-HĐQT/IDV	13/11/2023	Phê duyệt thời gian và địa điểm tổ chức, ngày chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
1311.2/2023/NQ-HĐQT/IDV	13/11/2023	Chi tạm ứng trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt cho cổ đông
1511.1/2023/NQ-HĐQT/IDV	15/11/2023	Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Đầu tư xây dựng, hạng mục nâng công suất NMXLNT Module 2 - KCN Khai Quang
1611.1/2023/NQ-HĐQT/IDV	16/11/2023	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Tư vấn giám sát thi công gói thầu XL02 tại KCN Sông Lô II
2411.1/2023/NQ-HĐQT/IDV	24/11/2023	Phê duyệt đơn giá, chỉ định nhà thầu thi công xây dựng gói thầu XL02 thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN Sông Lô II

Nghị quyết/Quyết định	Ngày tháng	Nội dung chính thông qua
3111.1/2023/NQ-HĐQT/IDV	31/11/2023	Xem xét sơ bộ nội dung các tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
3111.2/2023/NQ-HĐQT/IDV	31/11/2023	Điều chỉnh lãi suất cho vay đối với khoản vay của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18
3111.3/2023/NQ-HĐQT/IDV	31/11/2023	Chủ trương đầu tư vào bất động sản tại khu đô thị Bắc cầu Hàn – tỉnh Hải Dương của chủ đầu tư Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18
3111.4/2023/NQ-HĐQT/IDV	31/11/2023	Điều chỉnh hệ số lương, tổng thu nhập của Ông Nguyễn Anh Đệ - Phó tổng giám đốc
3111.5/2023/NQ-HĐQT/IDV	31/11/2023	Giao cho Công ty TNHH MTV Xây dựng Sông Lô làm nhà thầu thi công san nền tại KCN Sông Lô II
3111.6/2023/NQ-HĐQT/IDV	31/11/2023	Ủy quyền cho Tiểu ban XDCB quyết định một số nội dung liên quan đến xây dựng tại KCN Sông Lô II
1312/2023/NQ-HĐQT/IDV	13/12/2023	Vay vốn tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc
1312.1/2023/NQ-HĐQT/IDV	13/12/2023	Phê duyệt chỉ định nhà thầu thi công san nền Lô CN03, CN05 Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN Sông Lô II
1312.2/2023/NQ-HĐQT/IDV	13/12/2023	Thỏa thuận hợp tác với Liên danh Công ty Licogi 18-18.1
1312.3/2023/NQ-HĐQT/IDV	13/12/2023	Thông qua nội dung các tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
1312.4/2023/NQ-HĐQT/IDV	13/12/2023	Tạm dừng hoạt động Tiểu ban nghiên cứu đầu tư
1312.5/2023/NQ-HĐQT/IDV	13/12/2023	Thành lập Tiểu ban Đầu tư tài chính
1812.1/2023/NQ-HĐQT/IDV	18/12/2023	Phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC, dự toán Công trình "Trụ sở Ban quản lý KCN Sông Lô II"
1912.1/2023/NQ-HĐQT/IDV	19/12/2023	Phê duyệt danh sách ngắn các nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế gói thầu XL03 thuộc dự án KCN Sông Lô II
2912.1/2023/NQ-HĐQT/IDV	29/12/2023	Phê duyệt ký kết các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Dự án Khu đô thị mới Bắc Cầu Hàn giai đoạn 1 với Liên danh Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18 – Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.1
0601.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	06/01/2024	Trích thưởng hoàn thành kế hoạch SXKD năm tài chính 2023
0901/2024/NQ-HĐQT/IDV	09/01/2024	Bầu chức danh Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT và Thường trực Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 5
0901.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	09/01/2024	Phê duyệt bổ sung danh sách ngắn các nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế gói thầu XL03 thuộc dự án KCN Sông Lô II

Nghị quyết/Quyết định	Ngày tháng	Nội dung chính thông qua
0901.2/2024/NQ-HĐQT/IDV	09/01/2024	Phê duyệt bộ hồ sơ mời thầu và giá trần gói thầu XL03 thuộc Dự án KCN Sông Lô II
1001.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	10/01/2024	Mức thù lao Hội đồng quản trị, các Tiểu Ban trực thuộc Hội đồng quản trị năm tài chính 2024
1101/2024/NQ-HĐQT/IDV	11/01/2024	Miễn nhiệm và bầu chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán
1701.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	17/01/2024	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công GĐ2 hệ thống cấp nước PCCC và trạm bơm PCCC tại KCN Khai Quang
1901.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	19/01/2024	Phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán công trình Cấp điện KCN Sông Lô II
2301/2024/NQ-HĐQT/IDV	23/01/2024	Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023
2701.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	27/01/2024	Phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC và đơn giá ký Hợp đồng Module 2 – NMXLNT KCN Khai Quang
0402.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	04/02/2024	Chủ trương chuyển đổi nợ sang sản phẩm
0402.2/2024/NQ-HĐQT/IDV	04/02/2024	Bổ nhiệm nhân sự
0402.3/2024/NQ-HĐQT/IDV	04/02/2024	Ủy quyền cho Tiểu ban xây dựng cơ bản quyết định một số vấn đề liên quan đến san nền KCN Sông Lô II
0402.4/2024/NQ-HĐQT/IDV	04/02/2024	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu XL03 tại KCN Sông Lô II
1902/2024/NQ-HĐQT	19/02/2024	Chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt cho cổ đông và Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023
2702.1/2024/NQ-HĐQT	27/02/2024	Thành lập BQLDA, Kinh phí hoạt động cho Ban QLDA và chi phí thuê đơn vị tư vấn giám sát phần lắp đặt thiết bị - công nghệ (GĐ 1) dự án: Đầu tư xây dựng hạng mục nâng công suất xử lý nước thải Module 2 – NMXLNT KCN Khai Quang
2702.2/2024/NQ-HĐQT	27/02/2024	Phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC, dự toán toàn khu; chỉ định nhà thầu thi công và đơn giá ký Hợp đồng thi công giai đoạn 2: Hệ thống cấp nước PCCC và trạm bơm PCCC, KCN Khai Quang
0203.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	02/03/2024	Thay đổi vật liệu đất đắp nền đường độ chặt K95 sang cát đắp nền đường độ chặt K95 đối với gói thầu XL03
0403.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	04/03/2024	Phê duyệt hình thức lựa chọn nhà thầu và chỉ định nhà thầu tư vấn giám sát thi công gói thầu XL03
0603.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	06/03/2024	Phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư XDCB năm 2024 và chỉ định nhà thầu thi công hạng mục: Lắp dựng cột điện động lực cho gói thầu XL01, XL02
1103.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	11/03/2024	Phê duyệt các giao dịch với Công ty cổ

Nghị quyết/Quyết định	Ngày tháng	Nội dung chính thông qua
		phần đầu tư và xây dựng số 18
2003.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	20/03/2024	Giải quyết vấn đề định giá đất tại KCN Sông Lô II
2003.2/2024/NQ-HĐQT/IDV	20/03/2024	Một số công việc liên quan đến san nền tại KCN Sông Lô II
2003.3/2024/NQ-HĐQT/IDV	20/03/2024	Cho mượn địa điểm tại KCN Sông Lô II
2003.4/2024/NQ-HĐQT/IDV	20/03/2024	Thay đổi danh sách thành viên HĐTV của các Công ty con
2003.6/2024/NQ-HĐQT/IDV	20/03/2024	Bổ nhiệm nhân sự Phó Ban quản lý KCN Sông Lô II
2003.7/2024/NQ-HĐQT/IDV	20/03/2024	Chủ trương đầu tư kinh doanh điện tại Dự án KCN Sông Lô II
2003.8/2024/NQ-HĐQT/IDV	20/03/2024	Lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2024
2003.9/2024/NQ-HĐQT/IDV	20/03/2024	San lấp lô CN14-KCN Châu Sơn
2003.10/2024/NQ-HĐQT/IDV	20/03/2024	Mua xe ô tô
2803.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	28/03/2024	Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty
0204.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	02/04/2024	Phê duyệt danh sách ngắn các nhà thầu tham giá đấu thầu hạn chế gói thầu xây lắp: Trụ sở Ban quản lý KCN Sông Lô II
1504.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	15/04/2024	Phê duyệt thay đổi một phần hoặc toàn bộ phần vật liệu đất đắp nền đường K95 sang đắp cát nền đường K95 tại gói thầu XL02 – KCN Sông Lô II
2204.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	22/04/2024	Sơ kết 06 tháng đầu năm và kế hoạch 06 tháng cuối năm tài chính 2024
2204.2/2024/NQ-HĐQT/IDV	22/04/2024	Áp dụng các quy định về đầu tư xây dựng cơ bản
2204.3/2024/NQ-HĐQT/IDV	22/04/2024	Vay vốn Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Vĩnh Phúc
2204.4/2024/NQ-HĐQT/IDV	22/04/2024	Thực hiện kinh phí hỗ trợ đền bù GPMB tại KCN Khai Quang và KCN Sông Lô II
2204.5/2024/NQ-HĐQT/IDV	22/04/2024	Ký kết Hợp đồng lao động với nhân sự cấp cao
2204.6/2024/NQ-HĐQT/IDV	22/04/2024	Bổ nhiệm lại nhân sự Tiểu Ban đầu tư tài chính
2204.7/2024/NQ-HĐQT/IDV	22/04/2024	Đề cử nhân sự vào Hội đồng quản trị Công ty cổ phần VPID Vĩnh Phúc
0205/2024/NQ-HĐQT/IDV	02/05/2024	Phê duyệt giao dịch giữa Công ty cổ phần VPID Viĩnh Phúc – Công ty con và Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc – Công ty mẹ
0805.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	08/05/2024	Phê duyệt Hồ sơ thiết kế BVTC, Dự toán hạng mục Cổng, hàng rào, biển cảnh báo công trường nút N10-KCN Sông Lô II
1305.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	13/05/2024	Giải chấp các tài sản là cổ phiếu đang được thế chấp tại Công ty
2105.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	21/05/2024	Phê duyệt chỉ định nhà thầu thi công hạng mục Cổng, hàng rào, biển cảnh báo công trường nút N10-KCN Sông Lô II

Nghị quyết/Quyết định	Ngày tháng	Nội dung chính thông qua
0306.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	03/06/2024	Phê duyệt Hồ sơ thiết kế BVTC và giá trị phụ lục HĐ bổ sung hạng mục Cống tạm qua đường thuộc gói thầu XL03 - KCN Sông Lô II
0606.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	06/06/2024	Phê duyệt Gia hạn thời gian thực hiện HĐ và chi phí phát sinh tư vấn GSTC gói thầu XL02
1006.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	10/06/2024	Phê duyệt BCNC khả thi điều chỉnh Công trình: Nhà máy xử lý nước thải KCN Sông Lô II
1206.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	12/06/2024	Phê duyệt đơn giá, chi phí thi công đào hạ Cos các đồi lô CN07 - KCN Sông Lô II
1706.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	17/06/2024	Phê duyệt Phương án và Nhà thầu khoan khảo sát xác định chiều dày các lớp đất để đánh giá CL thi công Nút N10-KCN Sông Lô II
1806.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	18/06/2024	Lắp dựng điện cột thuộc gói thầu XL03 - KCN Sông Lô II
2206.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	22/06/2024	Phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán CT: Trụ sở BQL KCN Sông Lô II
2206.2/2024/NQ-HĐQT/IDV	22/06/2024	Triển khai xin cấp GPMT và phương thức lựa chọn Nhà thầu tư vấn lập BC đề xuất GPMT cho dự án nâng công suất NMXLNT tập trung KCN Khai Quang
2306.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	23/06/2024	Phê duyệt Bổ sung KH đầu tư XDCB năm 2024
2706.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	27/06/2024	Phê duyệt bổ sung danh sách ngắn các nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế; Hồ sơ mời thầu và và Giá trần gói thầu Trụ sở BQL KCN Sông Lô II
2706.2/2024/NQ-HĐQT/IDV	27/06/2024	Phê duyệt PT lựa chọn nhà thầu và Danh sách các nhà thầu chỉ định thầu đối với một số gói thầu thuộc Dự án KCN Sông Lô II
2806.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	28/06/2024	Chỉ định Nhà thầu tư vấn lập BC đề xuất cấp GPMT của Dự án nâng công suất NMXLNT tập trung của KCN Khai Quang
2906.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	29/06/2024	Phê duyệt Hồ sơ thiết kế BVTC, Dự toán hạng mục San nền khu nhà trụ sở BQL KCN Sông Lô II, bãi tập kết xe, cầu rửa xe, đường công vụ và các hạng mục phụ trợ - Dự án KCN Sông Lô II
2906.2/2024/NQ-HĐQT/IDV	29/06/2024	Phê duyệt chỉ định Nhà thầu tư vấn GSTC hạng mục: Lắp dựng cột điện động lực thuộc gói thầu XL03
0107.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	01/07/2024	Phê duyệt Chỉ định thầu đối với một số hạng mục thuộc Dự án KCN Sông Lô II
0107.2/2024/NQ-HĐQT/IDV	01/07/2024	Phê duyệt chỉ định nhà thầu và đơn giá thuê máy móc, thiết bị
0107.3/2024/NQ-HĐQT/IDV	01/07/2024	Bổ sung kế hoạch đầu tư XDCB năm 2024 gói thầu Tư vấn thiết kế và Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC, dự toán xây

Nghị quyết/Quyết định	Ngày tháng	Nội dung chính thông qua
		dựng công trình: Thay thế hệ thống điện chiếu sáng bằng cáp nhôm treo, cột bê tông cốt thép, đèn Led – KCN Khai Quang
0807.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	08/07/2024	Phê duyệt việc trả trước tiền vay
0907.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	09/07/2024	Phê duyệt phương án thi công và chi phí hỗ trợ đắp lề K85 Nút N15, tuyến T4 thuộc gói thầu XL03 – KCN Sông Lô II
1507.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	15/07/2024	Báo cáo kết quả SXKD quý III và kế hoạch quý IV năm tài chính 2024
1507.2/2024/NQ-HĐQT/IDV	15/07/2024	Chủ trương giải thể Công ty TNHH MTV Xây dựng Sông Lô
1507.3/2024/NQ-HĐQT/IDV	15/07/2024	Chủ trương tham gia đoàn xúc tiến thu hút đầu tư tại Đài Loan
1507.4/2024/NQ-HĐQT/IDV	15/07/2024	Thực hiện họp định kỳ giữa Tiểu ban Xây dựng cơ bản và Ban điều hành
1507.5/2024/NQ-HĐQT/IDV	15/07/2024	Thay đổi Trưởng ban Kiểm toán nội bộ
1507.6/2024/NQ-HĐQT/IDV	15/07/2024	Thanh lý xe ô tô Mazda
1507.7/2024/NQ-HĐQT/IDV	15/07/2024	Chủ trương rút vốn khỏi Công ty cổ phần đầu tư phát triển VL
1507.8/2024/NQ-HĐQT/IDV	15/07/2024	Phê duyệt việc ký kết Phụ lục Hợp đồng thi công xây dựng
1507.9/2024/NQ-HĐQT/IDV	15/07/2024	Gia hạn hợp đồng cho vay
1507.10/2024/NQ-HĐQT/IDV	15/07/2024	Đàm phán với đối tác về việc góp vốn vào Công ty cổ phần VPID Vĩnh Phúc
1507.11/2024/NQ-HĐQT/IDV	15/07/2024	Hợp tác đầu tư với công ty cổ phần Minh Việt Toàn Cầu
1507.12/2024/NQ-HĐQT/IDV	15/07/2024	Chủ trương vay vốn SHB và Sacombank
1507.13/2024/NQ-HĐQT/IDV	15/07/2024	Phê duyệt hoạt động đầu tư tài chính trên sàn chứng khoán
1607.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	16/07/2024	Chỉ định Nhà thầu tư vấn thiết kế BVTC, dự toán; và Nhà thầu Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC, dự toán xây dựng công trình: Thay thế hệ thống điện chiếu sáng bằng cáp nhôm treo, cột bê tông cốt thép, đèn Led – KCN Khai Quang
1607.2/2024/NQ-HĐQT/IDV	16/07/2024	Phê duyệt Hồ sơ thiết kế BVTC, Dự toán hạng mục: Biển cảnh báo công trường thi công – KCN Sông Lô II
1607.3/2024/NQ-HĐQT/IDV	16/07/2024	Bổ sung kế hoạch đầu tư XDCB năm 2024 gói thầu: Tư vấn lập quy hoạch tổng mặt bằng lô đất DV-01 – KCN Sông Lô II

Nghị quyết/Quyết định	Ngày tháng	Nội dung chính thông qua
2007.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	20/07/2024	Chỉ định nhà thầu tư vấn Lập quy hoạch tổng mặt bằng lô đất DV-01 – KCN Sông Lô II
2407.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	24/07/2024	Chỉ định nhà thầu thi công hạng mục: Biển cảnh báo công trường thi công thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN Sông Lô II
3007.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	30/07/2024	Phê duyệt đơn giá phát sinh công tác đóng cọc V lắp giá giữ ống, gói thầu thi công giai đoạn 2 hệ thống cấp nước PCCC và trạm bơm PCCC – Khu công nghiệp Khai Quang
1208.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	12/08/2024	Phê duyệt chi phí hỗ trợ cho nhà thầu thi công đắp lề K85 tuyến 1 khi chưa bơm được nước – thuộc gói thầu XL03, KCN Sông Lô II
1308.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	13/08/2024	Ủy quyền cho Tiểu ban XDCB quyết định và phê duyệt các nội dung liên quan việc triển khai hạng mục: Bổ sung đường ống nước thải uPVC D500 tuyến đường QH, T12 đến hố ga nhà máy XLNT tập trung KCN Khai Quang
1408.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	14/08/2024	Phê duyệt phương án sửa chữa đường công vụ số 1, số 2 phục vụ thi công dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN Sông Lô II
1508.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	15/08/2024	Vay vốn quỹ Bảo vệ môi trường để phục vụ thi công Module 2 – NMXLNT tập trung khu công nghiệp Khai Quang
1508.2/2024/NQ-HĐQT/IDV	15/08/2024	Chủ trương tham gia đấu giá các mỏ đất tại Vĩnh Phúc
1508.3/2024/NQ-HĐQT/IDV	15/08/2024	Điều chỉnh mức lương áp dụng đối với một số nhân sự của Ban điều hành
1508.4/2024/NQ-HĐQT/IDV	15/08/2024	Ủy quyền Ban điều hành quyết định một số hạng mục xây dựng
1508.5/2024/NQ-HĐQT/IDV	15/08/2024	Góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư KCN Hoàng Thành Du Long
2108.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	21/08/2024	triển khai phương án Công Đoàn Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc mua lại cổ phiếu đã phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP) năm 2023 từ các cán bộ nhân viên nghỉ việc trong thời gian hạn chế chuyển nhượng

Nghị quyết/Quyết định	Ngày tháng	Nội dung chính thông qua
2708.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	27/08/2024	Phê duyệt phương án thi công và giá trị hạng mục phát sinh thi công đường ống tại tuyến đường T6 gói thầu thi công giai đoạn 2 hệ thống cấp nước PCCC và trạm bơm PCCC – KCN Khai Quang
0509.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	05/09/2024	Tạm ứng tiền bồi thường giải phóng mặt bằng phần diện tích đất nông nghiệp còn lại của KCN Sông Lô II khi phương án chưa được phê duyệt
0909.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	09/09/2024	Phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục thuộc dự án KCN Sông Lô II
1009.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	10/09/2024	Phê duyệt Hình thức lựa chọn nhà thầu thi công hạng mục: Cọc xi măng đất tuyến đường T2, T4, kênh B12.000 và hạng mục: Thoát nước mưa - KCN Sông Lô II
1309.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	13/09/2024	Phê duyệt Hồ sơ thiết kế BVTC, Dự toán Hạng mục: Thi công san nền khu DV01, HTKT02 và đường tạm phục vụ thi công - KCN Sông Lô II)
2309.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	23/09/2024	Gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng và chi phí phát sinh tư vấn giám sát thi công gói thầu XL03 - KCN Sông Lô II)
2409.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	24/09/2024	Phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán Công trình: Thay thế hệ thống điện chiếu sáng bằng cáp nhôm treo, cột bê tông cốt thép, đèn Led – KCN Khai Quang
2409.2/2024/NQ-HĐQT/IDV	24/09/2024	Phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán Công trình: Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Sông Lô II, Mô đun 1

1.4. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

- Công ty hiện có 03/09 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

- Với vai trò của mình, trong năm 2024 các thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã tham gia/ủy quyền tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, thực hiện đúng chức trách và nhiệm vụ được phân công, tham mưu, đóng góp ý kiến vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:**

Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT hoạt động theo các nguyên tắc rõ ràng và cụ thể được quy định trong Quy chế hoạt động của từng tiểu ban.

- Ủy Ban kiểm toán (UBKT): Được thành lập từ ngày 26/01/2021 với mục tiêu Tham mưu, trợ giúp cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành về công tác kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro. Ngoài ra, thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Tiểu Ban đầu tư tài chính (TBĐTTC): Được thành lập từ ngày 13/12/2023 với mục tiêu tìm kiếm các cơ hội đầu tư tài chính trên thị trường nhằm gia tăng hiệu quả nguồn vốn của Công ty.

- Tiểu Ban đầu tư xây dựng cơ bản (TBXDCB): Được thành lập từ ngày 11/10/2023 với mục tiêu tham mưu, giúp HĐQT trong lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

1.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

2. Ủy Ban Kiểm Toán

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ủy Ban Kiểm Toán

STT	Thành viên Uỷ Ban kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy Ban kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Ông Phạm Hữu Ánh	Chủ nhiệm	Bổ nhiệm ngày 11/01/2024	Kỹ sư, cử nhân Kế toán
2	Bà Nguyễn Thùy Linh	Phó chủ nhiệm	Bổ nhiệm ngày 11/01/2024	Thạc sỹ quản trị kinh doanh

2.2. Cuộc họp của Uỷ Ban kiểm toán

STT	Thành viên Uỷ ban kiểm toán	Số buổi tham dự họp	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Ông Phạm Hữu Ánh	04	100%	100%	
2	Bà Nguyễn Thùy Linh	04	100%	100%	

2.3. Hoạt động của Ủy Ban Kiểm Toán

- Xây dựng chương trình kiểm tra, kiểm soát theo sự phê duyệt của HĐQT Công ty, triển khai thực hiện các chức năng nhiệm vụ của KTNB theo đúng pháp luật Nhà nước, Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT, các quy định quản lý nội bộ của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện các rủi ro, các điểm còn hạn chế trong hoạt động quản lý, điều hành của Công ty.

- Tham gia ý kiến về các Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, Báo cáo định kỳ khác của Ban Tổng giám đốc.

- Tham gia đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT, các cuộc giao ban Công ty.

- Tham gia đóng góp ý kiến trong việc xây dựng, sửa đổi, hoàn thiện các Quy chế của Công ty.

- Thực hiện và gửi báo cáo theo quy định tới HĐQT, Ban Tổng giám đốc với đề xuất và kiến nghị cụ thể.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ủy Ban Kiểm Toán

3.1. Lương, thù lao và các khoản lợi ích

- Việc sử dụng quỹ thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT nằm trong hạn mức đã được ĐHĐCĐ phê duyệt năm 2024. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao, lương, các lợi ích khác theo kết quả thực hiện công việc và theo kết quả kinh doanh của Công ty, đảm bảo phù hợp Điều lệ, các quy định nội bộ của VPID về lương/đãi ngộ, các quy định hiện hành có liên quan.

- Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích không thể lượng hoá bằng tiền: không có.

**** Thù lao Hội đồng quản trị:***

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao 2024	Lương 2024
1	Ông Hoàng Đình Thắng	Chủ tịch HĐQT	336.000.000	
2	Ông Trịnh Việt Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	324.000.000	
3	Ông Lê Tùng Sơn	TV. HĐQT	300.000.000	360.000.000
4	Ông Phùng Văn Quý	TV. HĐQT	276.000.000	
5	Ông Phạm Trung Kiên	TV HĐQT	207.000.000	
6	Bà Nguyễn Ngọc Lan	TV HĐQT	276.000.000	
7	Ông Phạm Hữu Ánh	Thành viên độc lập HĐQT, chủ nhiệm UBKT	300.000.000	
8	Bà Nguyễn Thùy Linh	Thành viên độc lập HĐQT, Phó chủ nhiệm UBKT	300.000.000	
9	Ông Tôn Tích Quang Nam	Thành viên độc lập HĐQT	207.000.000	35.266.667
Tổng cộng			**2.526.000.000**	**395.266.667**

**** Lương Ban Tổng giám đốc:***

Stt	Họ và tên	Chức danh	Lương 2024
1	Ông Phạm Trung Kiên	Tổng giám đốc	1.087.099.968
2	Ông Nguyễn Anh Đệ	Phó Tổng giám đốc	822.469.425
3	Bà Nguyễn Ngọc Lan	Phó Tổng giám đốc	780.016.437
Tổng cộng			**2.689.585.830**

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, người liên quan đến cổ đông nội bộ và cổ đông lớn:

TT	Người thực hiện giao dịch	Cổ đông nội bộ/Người có liên quan/Cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hoàng Đình Thắng	Chủ tịch HĐQT	3.942.447	12,64%	4.593.814	12,64%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
2	Nguyễn Thị Kiến	Vợ Chủ tịch HĐQT	1.289.808	4,14%	1.483.279	4,14%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
3	Trịnh Việt Dũng	Phó CT HĐQT	2.480.996	7,96%	2.853.144	7,96%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
4	Tạ Phạm Bích Thủy	Vợ Phó Chủ tịch HĐQT	1.359.543	4,36%	1.563.474	4,36%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu

TT	Người thực hiện giao dịch	Cổ đông nội bộ/Người có liên quan/Cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
5	Trịnh Việt Cường	Em trai Phó Chủ tịch HĐQT	339.885	1,09%	337.767	1,08%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu, giảm do nhu cầu cá nhân
6	Lê Tùng Sơn	TV HĐQT	1.051.861	3,37%	1.209.633	3,37%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
7	Lê Hoàng Yến	Vợ TV HĐQT	168.242	0,54%	193.478	0,54%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
8	Lê Quốc Minh	Em trai TV HĐQT	156.213	0,50%	179.644	0,50%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
9	Nguyễn Thị Anh Mai	Em dâu TV HĐQT	149.129	0,48%	171.413	0,48%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
10	Nguyễn Quang Trung	Em rể TV HĐQT	31.813	0,10%	46.474	0,13%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
11	Phùng Văn Qúy	TV HĐQT	951.411	3,05%	1.094.121	3,05%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
12	Nguyễn Văn Sâm	Em rể TV HĐQT	12.628	0,04%	14.522	0,04%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
13	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	Con dâu TV HĐQT	67.200	0,22%	77.280	0,22%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
14	Phùng Thị Lan Phương	Con đẻ TV HĐQT	19.200	0,06%	22.080	0,06%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
15	Phùng Tiến Nghĩa	Em trai TV HĐQT	13.428	0,04%	15.441	0,04%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
16	Phùng Thị Vụ	Em gái TV HĐQT	7.044	0,02%	8.099	0,02%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
17	Phùng Văn Thú	Anh trai TV HĐQT	68.647	0,22%	78.944	0,22%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
18	Nguyễn Ngọc Lan	TV HĐQT, Phó TGĐ	210.234	0,67%	241.769	0,67%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
19	Phạm Trung Kiên	TV HĐQT TGĐ	282.780	0,91%	325.196	0,91%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
20	Phạm Hữu Ánh	TV độc lập HĐQT	147.135	0,47%	169.204	0,47%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
21	Phạm Hữu Ái	Anh trai TV độc lập HĐQT	530.888	1,70%	610.520	1,70%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
22	Nguyễn Thị Lâm Hạnh	Vợ TV độc lập HĐQT	120.230	0,39%	138.264	0,39%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
23	Phạm Thị Thu Hằng	Em gái TV độc lập HĐQT	8.712	0,03%	10.018	0,03%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu

TT	Người thực hiện giao dịch	Cổ đông nội bộ/Người có liên quan/Cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
24	Nguyễn Thị Phương Ngọc	Chị dâu TV độc lập HĐQT	101.164	0,32%	116.338	0,32%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
25	Nguyễn Thùy Linh	Thành viên độc lập HĐQT	51.906	0,17%	59.691	0,17%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
26	Nguyễn Anh Đệ	P.TGĐ	155.909	0,50%	179.294	0,50%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
27	Nguyễn Thị Hoàn	KTT	103.527	0,33%	119.054	0,33%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
28	Nguyễn Huy Tùng	Thư ký HĐQT, người được ủy quyền CBTT	5.907	0,02%	6.793	0,02%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
29	Vũ Thị Hồng Trà	Mẹ TK HĐQT, CBTT	33.987	0,11%	39.085	0,11%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
30	Nguyễn Vũ Hà Linh	Em gái TK HĐQT, CBTT	3.628	0,01%	4.172	0,01%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
31	Văn Phụng Hà	Cổ đông lớn (không còn là cổ đông lớn từ ngày 13/08/2024)	1.584.525	5,08%	1.700.508	4,74%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu, giảm do nhu cầu cá nhân
32	American LLC	Cổ đông lớn	5.451.508	17,48%	6.269.234	17,48%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Phát sinh
Bán hàng hóa, dịch vụ			
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	Cùng thành viên HĐQT	Doanh thu khác	20.500.000
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	Cùng thành viên HĐQT	Giá trị thi công công trình	7.980.555.556
		Mua bất động sản	53.471.917.894
Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ			
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	Cùng thành viên HĐQT	Lợi nhuận được chia	3.441.390.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	Công ty liên kết		48.743.681.487

Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Thành viên HĐQT là cổ đông lớn của CTCP Thủy điện Trung Thu		3.998.814.000
Đầu tư góp vốn			
Công ty cổ phần Đầu tư KCN Hoàng Thành Du Long	Cùng thành viên HĐQT	Góp vốn	8.100.000.000
Tiền cho vay, lãi cho vay			
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	Cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	5.194.412.137
		Thu lãi cho vay	10.276.547.753
		Thu gốc cho vay	48.300.000.000
Tiền vay, lãi vay phát sinh			
Công ty Cổ phần Trung Anh	Cùng thành viên HĐQT	Chi phí lãi vay	172.504.110
		Trả lãi tiền vay	127.183.562

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc quản trị theo các quy định của pháp luật, của các cơ quan quản lý nhà nước đối với công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán, nhờ vậy đã từng bước tạo niềm tin cho các cổ đông, cho người lao động và làm tiền đề cho việc phát triển trong những năm tới.

- Thời gian công bố thông tin các Báo cáo tài chính và Báo cáo quản trị công ty như sau:

Thời điểm	Loại Báo cáo	Chưa soát xét	Đã soát xét/Kiểm toán
Quý 1	BCTC công ty mẹ	19/01/2024	
Quý 1	BCTC hợp nhất	19/01/2024	
Quý 2	BCTC công ty mẹ	20/04/2024	
Quý 2	BCTC hợp nhất	20/04/2024	
Bán niên	BCTC công ty mẹ đã soát xét		08/05/2024
Bán niên	BCTC hợp nhất đã soát xét		08/05/2024
Quý 3	BCTC công ty mẹ	19/07/2024	
Quý 3	BCTC hợp nhất	19/07/2024	
Bán niên	BC quản trị công ty Bán niên	29/07/2024	
Quý 4	BCTC công ty mẹ	21/10/2024	
Quý 4	BCTC hợp nhất	21/10/2024	
Cả năm	BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán		11/11/2024
Cả năm	BCTC hợp nhất đã kiểm toán		11/11/2024
Cả năm	BC quản trị công ty năm 2023	30/01/2024	

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

❖ Ý kiến kiểm toán:

"Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả

hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam".

(Báo cáo tài chính hợp nhất được Kiểm toán năm 2024– Moore AISC)

❖ **Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

Báo cáo tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán gồm: Báo cáo của Ban Tổng giám đốc, Báo cáo kiểm toán độc lập, Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán được đăng tải trên Website: http://www.vpid.vn, được công bố thông tin theo đúng quy định của Luật chứng khoán và Thông tư 96/2020/TT-BTC (đã công bố thông trên trang điện tử của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và UBCK Nhà Nước) và được lưu tại trụ sở chính Công ty. *(Chi tiết tại phụ lục 2)*

Vĩnh Phúc, ngày 02 tháng 12 năm 2024

T/M. CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC
TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Trung Kiên

Nơi nhận:
- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- HĐQT; UBKT;
- website: www.vpid.vn
- Lưu VT

Phụ Lục 1

Lý lịch của các thành viên HĐQT và Ban điều hành

- ***Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT:***

HĐQT có 02 thành viên tham gia Ban Tổng Giám đốc nên lý lịch 02 thành viên này được nêu tại phần lý lịch của Ban điều hành, các thành viên còn lại như sau:

Chủ tịch HĐQT

Họ và tên:	**Hoàng Đình Thắng**
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	05/01/1959
Nơi sinh:	Hướng Đạo, Tam Dương, Vĩnh Phúc
CMND:	026059003220 Ngày cấp:13/05/2023 Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	15 ngõ 4, Phố Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Điện hóa

Quá trình công tác:

+ 1980-1988: Giáo viên Trường Cao đẳng Hóa chất
+ 1988-1992: Cán bộ kỹ thuật, Nhà máy sứ Teplice
+ 1992-1999: Giám đốc công ty HANT
+ 1999 -2020: Tổng giám đốc TTTM Sapa
+ 2020 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị TTTM Sapa
+ 2004-2016: Chủ tịch Hội Người Việt Nam tại CH Séc
+ 2009-2014: Ủy viên Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
+ 2014 đến nay: Ủy viên Đoàn chủ tịch, Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
+ 12/2015 đến tháng 6/2017: Thành viên HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
+ 2016 đến nay : Chủ tịch Liên Hiệp các Hội người Việt Nam tại châu Âu
+ 06/2017 đến tháng 01/2024: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
+ Từ tháng 01/2024 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	- Chủ tịch HĐQT TTTM Sapa – Praha. - Ủy viên Đoàn chủ tịch Ủy ban TW Mặt trân Tổ quốc Việt Nam. - Chủ tịch Liên Hiệp Hội người Việt Nam tại Châu Âu.
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên:	**Trịnh Việt Dũng**
Giới tính:	Nam

Ngày sinh:	15/02/1958
Nơi sinh:	Hà Nội
CCCD:	001058018655 Ngày cấp: 30/09/2020 Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	47 Hàng Đào – Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Tiến sỹ kỹ thuật

Quá trình công tác:

+ Năm 1975 – 1980: Học tại Đại học Bách khoa Hà Nội;

+ Năm 1984 – 1987: Công tác tại Viện kỹ thuật nhiệt đới – Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

+ Năm 1988 – 1999: Làm nghiên cứu sinh tại Cộng hòa Séc;

+ Năm 1999 – Nay: Làm kinh doanh tại Cộng hòa Séc – Nguyên là Chủ tịch hội doanh nghiệp Việt Nam tại Cộng hòa Séc;

+ Tháng 6/2009 – 8/2010: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;

+ Tháng 8/2010 – 10/2013: Thành viên HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;

+ Từ tháng 11/2013 đến tháng 01/2024: là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;

+ Từ 01/01/2021 – 30/06/2021: Người đại diện theo pháp luật của Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

+ Từ tháng 01/2024 đến nay: Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;

Chức vụ công tác hiện nay:	Phó chủ tịch HĐQT
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	- Thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư và xây dựng số 18 - Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy điện Trung Thu - Thành viên HĐQT Công ty CP Trung Anh - Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư và phát triển công nghệ cao Hòa Bình
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

Thành viên HĐQT

Họ và tên:	**Lê Tùng Sơn**
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	07/03/1957
Nơi sinh:	Sơn Tây, Hà Nội
CCCD:	001057007980 Ngày cấp: 10/07/2021 Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	463/17/6 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư máy công trình

Quá trình công tác:

+ Năm 1974 – 1979: Học tại Học viện kỹ thuật quân sự;

+ Năm 1980 – 2007: Công tác tại Bộ tư lệnh công binh, Bộ Quốc phòng;

+ Năm 2007 – 30/5/2011: là TV HĐQT kiêm P. TGĐ Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;

+ Từ 01/6/2011 đến nay: là TV HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

+ Từ 05/2016 – 31/12/2020: Tổng giám đốc Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

Thành viên HĐQT:

Họ và tên	**Phùng Văn Quý**
Giới tính	Nam
Ngày sinh	01/9/1958
Nơi sinh	Hội Hợp, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
CCCD	026058001690 Ngày cấp: 01/05/2021 Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	116 đường Hùng Vương, Hội Hợp, TP Vĩnh Yên – Tỉnh Vĩnh Phúc
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

+ Năm 1980 Công tác tại Viện luyện kim mầu (nay là Viện khoa học Mỏ và Luyện kim, Bộ Công thương);

+ Năm 1981 – 1983 Đi bộ đội;

+ Năm 1984 – 1985 Công tác tại Viện luyện kim mầu (nay là Viện khoa học Mỏ và Luyện kim, Bộ Công thương);

+ Năm 1986 – 2000 Học và làm việc tại Liên bang Nga (Liên Xô cũ);

+ Năm 2001 – 2003 Công tác tại Viện khoa học Mỏ và Luyện kim, Bộ Công thương;

+ Năm 2003 đến tháng 8/2006: Lảm việc tại Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;

+ Từ tháng 9/2006 đến tháng 3/2011: phó TGĐ Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;

+ Từ 4/2011 đến 04/2016: Thành viên HĐQT kiêm TGĐ Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;

+ Từ 05/2016 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ban nghiên cứu đầu tư Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;

Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xây dựng và thương mại Vĩnh Sơn.
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Phạm Trung Kiên** (chi tiết phần dưới)

Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Lan**(chi tiết phần dưới)

Thành viên độc lập HĐQT:

Họ và tên:	**Phạm Hữu Ánh**
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	24/08/1965
Nơi sinh:	Bệnh viện Hà Đông, Hà Nội
CMND:	001065013305 Ngày cấp: 21/04/2021 Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	112D tập thể 3 tầng, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư, cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

+ 1996-2001: Học tập và làm việc tại Nga

+ 2002-2004: Nhân viên Công ty TNHH LT

+ 2004-2005: Phó Giám đốc Công ty TNHH LT

+ 2006-2010: Giám đốc Công ty TNHH LT

+ 2010- 2018: Tự do

+ T01/2019 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

+ Từ T01/2021 đến T01/2024: Thành viên độc lập HĐQT kiêm Phó chủ nhiệm Ủy Ban kiểm toán.

+ Từ T01/2024 đến nay : Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ nhiệm Ủy Ban kiểm toán.

Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ nhiệm Ủy Ban kiểm toán.
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

Thành viên độc lập HĐQT:

Họ và tên:	**Nguyễn Thùy Linh**
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	24/02/1988
Nơi sinh:	Hà Nội
CCCD:	001188023540 Ngày cấp: 26/01/2022 Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Tổ 44, Phường Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

+ 2010-2012: Chuyên viên dự án phát triển kinh tế vĩ mô tại Tổ chức Hợp tác quốc tế CHLB Đức (GIZ)

+ 2014-2015: Chủ sở hữu Công TNHH J-mart

+ 2018-2019: Chủ nhiệm Bộ môn QTKD (cơ sở Hà Nội) Trường Đại học Greenwich Việt Nam.

+ 2015 – Nay: Giảng viên cơ hữu Trường Đại học Greenwich Việt Nam.

+ T01/2022 - T01/2024: Thành viên độc lập HĐQT, Chủ nhiệm UBKT Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

+ Từ T01/2024 đến nay: Thành viên độc lập HĐQT, Phó chủ nhiệm UBKT Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Phó Chủ nhiệm UBKT.
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Giảng viên cơ hữu Trường Đại học Greenwich Việt Nam
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

Thành viên độc lập HĐQT:

Họ và tên:	**Tôn Tích Quang Nam**		
Giới tính:	Nam		
Ngày sinh:	23/02/1975		
Nơi sinh:	Hà Nội		
CCCD:	001075021174	Ngày cấp: 07/01/2022	Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH
Quốc tịch:	Việt Nam		
Dân tộc:	Kinh		
Địa chỉ thường trú:	6A B2 TT Khương Thượng, Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội		
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ QTKD		

Quá trình công tác:

+ Năm 2000 – 2005: Nhân viên công ty HiPT;

+ Năm 2006 – 2014: Trưởng phòng ĐP SX công ty HiPT;

+ Năm 2015 đến nay: Trưởng dự án Công ty N.G VINA;

+ Từ Tháng 01/2024 – nay: Thành viên độc lập HĐQT Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên độc lập HĐQT
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Trưởng Dự án Công ty N.G Vina.
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

- ***Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng:***

  - ***Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc:***

Họ và tên:	**Phạm Trung Kiên**
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	26/02/1978
Nơi sinh:	Hội Hợp – Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc
CCCD:	026078004649 Ngày cấp: 25/08/2021 Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	TDP Trà 2, Hội Hợp, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc.
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

+ Năm 2006 – 4/2011: Giám đốc Công ty CP Xây dựng và thương mại Vĩnh Sơn;

+ Tháng 5/2011 – tháng 4/2017: Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam;

+ Tháng 5/2017 – T12/2020: Phó Tổng giám đốc Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam.

+ Từ Tháng 01/2021 – T6/2021: Quyền TGĐ Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

+ Từ Tháng 07/2021 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

+ Từ Tháng 01/2024 đến nay : Thành viên HĐQT Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

Chức vụ công tác hiện nay:	Tổng giám đốc
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư hạ tầng Sông Lô - Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vĩnh Sơn Hà Nam
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc; Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam:

Họ và tên:	**Nguyễn Ngọc Lan**
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	18/10/1984
Nơi sinh:	Hòa Bình
CMND:	017184011825 Ngày cấp: 11/11/2021 Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính doanh nghiệp

Quá trình công tác:

+ 8/2006 - 7/2007: Công tác tại Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long (KLS)

+ 8/2007 – 5/2011: Công tác tại Công ty cổ phần Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HSC)

+ 5/2011 – 12/2013: Công tác tại Khối chiến lược và Phát triển Ngân hàng – Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)

+ 1/2014 – 2020: Công tác tại Phòng chiến lược - Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank)

+ 3/2012 – T1/2019: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

+ T1/2019 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

+ T1/2019 – T2/2021: Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

+ T10/2020 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

+ T4/2021 – 01/04/2023: Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Sông Lô.

+ 02/04/2023 – nay: Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam.

+ Từ tháng 01/2024 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	- Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam - Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Số 18.
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Sông Lô:

Họ và tên:	**Nguyễn Anh Đệ**
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	11/08/1977
Nơi sinh:	Hoàng Hoa Thám – Phường Vĩnh Phúc – Quận Ba Đình – Hà Nội
CCCD:	001077018844 Ngày cấp: 10/07/2021 Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 11 ngách 14 ngõ 639 Hoàng Hoa Thám – Phường Vĩnh Phúc – Quận Ba Đình – Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân quản trị kinh doanh, cử nhân tài chính kế toán

Quá trình công tác:

+ Năm 1995 – 2000: Học Đại học thương mại

+ Năm 2000 – 2006: Công ty liên doanh máy xây dựng Việt Nam – Uraltrac

+ Năm 2008 – 2016: Công ty CP thủy điện Trung Thu

+ Năm 2009 – 2016: Công ty CP đầu tư và phát triển công nghệ cao Hòa Bình

+ Tháng 3/2017 đến Tháng 09/2020: Thư ký HĐQT kiêm Người CBTT Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

+ Tháng 10/2018 đến nay: Phó TGĐ Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

+ Tháng 10/2020 đến 01/04/2023: Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam

+ Từ 02/04/2023 đến nay : Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Sông Lô

Chức vụ công tác hiện nay:	Phó TGĐ Công ty
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Sông Lô
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

Kế toán trưởng

Họ và tên	**Nguyễn Thị Hoàn**
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	08/08/1983
Nơi sinh	Bồ Lý, Tam Đảo, Vĩnh Phúc
CMND	026183002023 Ngày cấp: 29/04/2021 Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Khu HC15, Phường Liên Bảo, Tp. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

+ Tháng 11 năm 2005-2010: kế toán thanh toán, kế toán thuế Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

+ Năm 2011-2012: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

+ Từ 11/2013 đến nay: Kế toán trưởng tại Công ty CP Phát triển hạ Tầng Vĩnh Phúc.

Chức vụ công tác hiện nay:	Kế toán trưởng Công ty
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

Phụ lục 2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2024
(Trích từ BCTC đã được kiểm toán – hợp nhất)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 *Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/10/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**485,005,815,374**	**475,314,895,067**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**57,387,452,252**	**16,023,233,732**
1. Tiền	111		21,747,452,252	15,893,233,732
2. Các khoản tương đương tiền	112		35,640,000,000	130,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.2**	**260,993,289,477**	**413,667,547,785**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		16,788,177,111	6,593,207,451
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1,364,876,840)	(753,166,515)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		245,569,989,206	407,827,506,849
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**158,563,110,572**	**27,583,353,505**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	6,275,440,852	9,071,020,060
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	122,667,214,280	8,141,374,508
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	24,900,000,000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	4,739,705,440	10,390,208,937
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(19,250,000)	(19,250,000)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.7**	**129,051,542**	**17,323,150,124**
1. Hàng tồn kho	141		129,051,542	17,323,150,124
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**7,932,911,531**	**717,609,921**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	439,987,290	119,158,337
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7,492,924,241	571,016,784
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	-	27,434,800
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1,395,032,027,446**	**1,340,575,279,371**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**596,903,457,303**	**666,956,513,602**
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	-	73,200,000,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	596,903,457,303	593,756,513,602
II. Tài sản cố định	**220**		**110,133,536,205**	**117,245,468,895**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	110,133,536,205	117,245,468,895
- Nguyên giá	*222*		*185,373,752,718*	*177,544,896,860*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(75,240,216,513)*	*(60,299,427,965)*
III Bất động sản đầu tư	**230**	V.11	**23,695,669,685**	**24,979,761,265**
- Nguyên giá	231		*26,246,643,872*	25,780,577,677
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		*(2,550,974,187)*	(800,816,412)
III Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**V.9**	**185,327,516,338**	**53,252,299,750**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		185,327,516,338	53,252,299,750
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.2**	**313,685,176,021**	**315,406,385,941**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		172,233,649,365	182,051,011,810
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		143,809,725,560	135,709,725,560
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2,358,198,904)	(2,354,351,429)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**165,286,671,894**	**162,734,849,918**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	165,135,459,785	161,587,879,297
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		151,212,109	1,146,970,621
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1,880,037,842,820**	**1,815,890,174,438**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/10/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1,005,389,564,436**	**1,021,438,293,371**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**161,642,549,421**	**189,046,810,412**
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	2,967,831,373	1,132,227,649
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	2
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	4,522,597,123	19,562,760,296
4. Phải trả người lao động	314		4,504,766,293	3,335,555,068
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	75,698,751,550	79,658,794,757
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15.a	37,042,814,242	35,360,754,867
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.a	3,581,930,301	17,345,938,991
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.a	21,080,000,000	18,320,000,000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12,243,858,539	14,330,778,782
II. Nợ dài hạn	**330**		**843,747,015,015**	**832,391,482,960**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15.b	780,114,770,265	772,418,638,862
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.b	3,507,517,506	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.b	60,113,384,660	59,673,391,000
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.27	11,342,584	299,453,098
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**874,648,278,384**	**794,451,881,066**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.18**	**874,648,278,384**	**794,451,881,066**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		358,583,850,000	311,814,740,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*358,583,850,000*	*311,814,740,000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(11,000,000)	(11,000,000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		78,949,441,652	68,268,361,930
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		432,977,719,294	413,114,134,893
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*319,491,247,247*	*313,194,569,824*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*113,486,472,047*	*99,919,565,069*
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4,148,267,438	1,265,644,243
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1,880,037,842,820**	**1,815,890,174,438**

Vĩnh Phúc, ngày 06 tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 — *Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2023 đến 30/09/2024	Từ 01/10/2022 đến 30/09/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	130,939,549,954	184,344,971,901
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	130,939,549,954	184,344,971,901
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	44,671,554,661	87,904,323,783
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	**20**		**86,267,995,293**	**96,440,648,118**
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	35,575,724,961	56,185,177,772
6. Chi phí tài chính	22	VI.5	1,753,112,044	1,864,960,874
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1,067,712,678*	*1,326,395,002*
7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		38,926,319,043	54,874,266,564
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	765,863,005	1,737,857,162
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	23,456,233,110	22,430,625,499
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	**30**		**134,794,831,138**	**181,466,648,919**
11. Thu nhập khác	31	VI.7	18,988,849,119	2,580,407,329
12. Chi phí khác	32	VI.8	187,662,731	3,489,534,252
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**18,801,186,388**	**(909,126,923)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**153,596,017,526**	**180,557,521,996**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	19,413,925,262	22,810,035,658
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	22,972,544	52,542,340
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 -52)	**60**		**134,159,119,720**	**157,694,943,998**
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		133,513,496,525	157,839,462,462
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		645,623,195	(144,518,464)
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	3,463	4,708

Vĩnh Phúc, ngày 06 tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 — *Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/10/2023 đến 30/09/2024	Từ 01/10/2022 đến 30/09/2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***153,596,017,526***	***180,557,521,996***
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	17,710,902,323	16,357,721,107
- Các khoản dự phòng	03	615,557,800	(442,236,327)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	(133,307)	341,829
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(32,990,594,012)	(51,977,777,665)
- Chi phí lãi vay	06	1,067,712,678	1,326,395,002
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ	***08***	***139,999,463,008***	***145,821,965,942***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(115,125,414,913)	(70,544,901,259)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	17,194,098,582	19,980,675,548
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(55,598,320,773)	9,246,651,763
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3,868,409,441)	(24,657,325,453)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(10,194,969,660)	(945,654,614)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1,032,350,486)	(3,450,386,563)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(24,940,545,460)	(14,973,033,665)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2,086,920,243)	(11,038,699,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(55,653,369,386)**	**49,439,292,699**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(105,893,968,032)	(20,942,805,701)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	194,449,915	91,327,609
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(287,350,279,782)	(675,938,726,575)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	497,907,797,425	576,403,287,671
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8,100,000,000)	(6,600,000,000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	43,831,672,413	66,402,894,958
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**140,589,671,939**	**(60,584,022,038)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH của doanh nghiệp đã phát hành	31	-	9,081,980,000
3. Tiền thu từ đi vay	33	82,519,993,660	30,404,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(79,320,000,000)	(15,260,000,000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(46,772,211,000)	(12,613,953,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(43,572,217,340)**	**11,612,027,000**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**41,364,085,213**	**467,297,661**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**16,023,233,732**	**15,556,277,900**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	133,307	(341,829)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**57,387,452,252**	**16,023,233,732**

Vĩnh Phúc, ngày 06 tháng 11 năm 2024